

**DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CON BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN PHÚ HỘI**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+(7)	9	10	11	12	13	14	15	
1	ĐÀO MINH TUẤN	PHÚ HỘI	1,70		1,70	0,22												
2	NGUYỄN QUỐC TRÂM	PHÚ HỘI	0,90	0,60	1,50				0,60	0,60								
3	LÊ VĂN CƯỜNG	PHÚ HỘI						1,00		1,00								
4	LÊ THỊ THANH BÌNH	PHÚ HỘI						0,25		0,25					5			
5	NGUYỄN THỊ DUNG	PHÚ HỘI						0,60		0,60					20			
6	ĐỖ TÁM	PHÚ HỘI						1,00		1,00								
7	HUỖNH NGÃ	PHÚ HỘI						1,4		1,40								
8	HUỖNH VĂN MINH	PHÚ HỘI						1,5		1,50								
9	NGUYỄN THỊ CHANH	PHÚ HỘI									0,10							
10	NGUYỄN MẸO	PHÚ HỘI				0,47		1,5		1,50								
11	NGUYỄN NHA	PHÚ HỘI						3,40		3,40								
12	LÊ QUỐC HUY	PHÚ HỘI				0,20		0,50		0,50								
13	LÂM THỊ TƯ	PHÚ HỘI	0,15	2,0	2,2				2,0	2,00								
14	VÕ VĂN THIÊN	PHÚ HỘI		0,6	0,60				0,6	0,60								
15	MAI XUÂN QUỲNH	PHÚ HỘI		0,2	0,20				0,2	0,20								
16	MAI XUÂN ĐẠT	PHÚ HỘI		0,5	0,50				0,5	0,50								
17	PHẠM THỊ HOA	PHÚ HỘI	0,70	0,8	1,50				0,8	0,80								
18	TRẦN VĂN NAM	PHÚ HỘI	0,20		0,20					0,00								

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)							
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
19	NGUYỄN QUANG YÊN	PHÚ HỘI	0,80	0,8	1,60	0,14			0,8	0,80								
20	NGUYỄN VĂN THẬT	PHÚ HỘI	3,00		3,00													
21	NGUYỄN HOA	PHÚ HỘI	0,80		0,80	0,18												
22	LÊ TỰ	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
23	VÕ THANH LINH	PHÚ HỘI	1,00		1,00													
24	NGUYỄN DƯ	PHÚ HỘI	2,30		2,30													
25	TRƯƠNG VĂN TÌNH	PHÚ HỘI	0,45		0,45	0,20												
26	LÊ HÙNG DƯ	PHÚ HỘI		0,6	0,60			2,50	0,6	3,10								
27	ĐÀO VĂN XÔ	PHÚ HỘI	2,00	0,30	2,30				0,30	0,30								
28	ĐÀO MINH TÂM	PHÚ HỘI	1,20		1,20													
29	HỒ ĐỨC MINH	PHÚ HỘI		0,50	0,50			3,00	0,50	3,50								
30	HỒ LINH TUÂN	PHÚ HỘI	1,00	0,50	1,50				0,50	0,50								
31	NGUYỄN KÊ Y	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
32	NGUYỄN MẠNH BẢO	PHÚ HỘI	2,00	1,00	3,00	0,26			1,00	1,00								
33	TRẦN XUÂN LÊ	PHÚ HỘI	1,00		1,00					0,05								
34	PHẦN XUÂN SANH	PHÚ HỘI	1,00		1,00													
35	PHẠM THỊ THANH HIỀN	PHÚ HỘI	0,27		0,27													
36	PHẠM NGỌC THANH	PHÚ HỘI	0,80		0,80										35			
37	LÊ NGỌC RẠNG	PHÚ HỘI	1,00	2,00	3,00				2,00	2,00								
38	PHẠM NGỌC TỤY	PHÚ HỘI		1,50	1,50	0,49		1,50	1,50	3,00								
39	NGUYỄN THANH ĐỒ	PHÚ HỘI	2,30		2,30	0,17												
40	LÊ VĂN THĂNG	PHÚ HỘI	1,00	0,40	1,40				0,40	0,40								
41	NGUYỄN LÊ NGỌC DUY	PHÚ HỘI		0,80	0,80				0,80	0,80								
42	LƯƠNG VĂN KHÁNH	PHÚ HỘI	1,00		1,00													

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
43	NGUYỄN ĐẦY	PHÚ HỘI	3,00		3,00													
44	NGUYỄN NGỌC ANH	PHÚ HỘI	0,44		0,44					0,03								
45	NGUYỄN THỊ LIÊN	PHÚ HỘI	1,00	1,00	2,00				1,00	1,00								
46	NGUYỄN TRỌNG KIM	PHÚ HỘI	4,00	0,80	4,80				0,80	0,80								
47	PHẠM NGỌC TỬ-3	PHÚ HỘI	0,70	0,70	1,40				0,70	0,70								
48	NGUYỄN NGỌC BA	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
49	NGUYỄN CÔNG HOANG	PHÚ HỘI				0,12		2,00		2,00								
50	NGUYỄN HỒNG QUANG	PHÚ HỘI	1,20	0,70	1,90				0,70	0,70				31				
51	NGUYỄN KHOA	PHÚ HỘI		0,30	0,30				0,30	0,30				4				
52	TRẦN CANH	PHÚ HỘI	0,30		0,30									80				
53	TRƯƠNG VĂN PHÚ	PHÚ HỘI	0,70		0,70													
54	TRƯƠNG NGỌC CUƠNG	PHÚ HỘI	0,40		0,40									4				
55	NGUYỄN THẨM	PHÚ HỘI	0,40		0,40									1				
56	TRẦN QUỐC ĐẠT	PHÚ HỘI	0,18		0,18									15				
57	LÊ VĂN CUƠNG	PHÚ HỘI	4,00		4,00													
58	NGUYỄN THỊ THỦY	PHÚ HỘI	0,30		0,30													
59	LÊ MINH KHA	PHÚ HỘI	3,00		3,00													
60	TRƯƠNG THỊ RA	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
61	PHAN VĂN THIÊN	PHÚ HỘI	0,50		0,50													
62	NGUYỄN ĐỨC TRÌNH	PHÚ HỘI	1,00		1,00													
63	NGUYỄN VĂN THÀNH (1)	PHÚ HỘI	2,80		2,80													
64	PHAN NGỌC TOÀN	PHÚ HỘI		0,60	0,60				0,60	0,60								
65	DƯƠNG THAI NAM	PHÚ HỘI	0,02	0,10	0,12				0,10	0,10								
66	NGUYỄN CÔNG	PHÚ HỘI	2,00		2,00										20			

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
67	LÊ NGỌC ANH	PHÚ HỘI	1,00		1,00									20				
68	PHAN NGỌC BIỂN	PHÚ HỘI	0,50		0,50					0,02								
69	VÕ MINH VƯƠNG	PHÚ HỘI	1,00	0,60	1,60				0,60	0,60								
70	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	PHÚ HỘI	5,50		5,50													
71	ĐÀO CÔNG TÍCH	PHÚ HỘI	0,20		0,20													
72	ĐỖ THANH PHONG	PHÚ HỘI	3,00		3,00	0,32												
73	LÊ VĂN THANH	PHÚ HỘI								0,05								
74	NGUYỄN ẪN	PHÚ HỘI	1,00		1,00					0,04								
75	PHẠM NGỌC TỬ-2	PHÚ HỘI	3,00		3,00													
76	HUỲNH VĂN LÂN	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
77	NGÔ ĐÌNH PHÚC	PHÚ HỘI	0,07		0,07	0,35												
78	PHẠM XUÂN BÍCH	PHÚ HỘI	0,70		0,70													
79	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
80	LÊ THỊ SÁU	PHÚ HỘI	0,28	0,05	0,33				0,05	0,05								
81	LÊ QUANG QUYNH	PHÚ HỘI	0,40		0,40													
82	LÊ VĂN TRUYỀN	PHÚ HỘI	2,00		2,00													
83	PHẠM XUÂN SINH	PHÚ HỘI	1,70	0,50	2,20	0,30			0,50	0,50	0,15				8			
84	LÊ ANH ĐOÀN	PHÚ HỘI	4,50		4,50													
85	PHAN VĂN TRANG	PHÚ HỘI	1,50		1,50													
86	TRƯƠNG THỊ PHỤ	PHÚ HỘI	0,60		0,60													
87	TRƯƠNG NGỌC HOÀNG	PHÚ HỘI	0,90		0,90													
88	TRƯƠNG THỊ BÓN	PHÚ HỘI	1,80		1,80													
89	NGUYỄN VĂN LINH	PHÚ HỘI	0,70		0,70													
90	ĐÀO XUÂN SANH	PHÚ HỘI	2,00		2,00		0,2			0,20								

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)													Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
91	HUỲNH CÔNG TRƯỜNG	PHÚ HỘI	2,90		2,90		0,1			0,10					2		
92	ĐƯƠNG THAI QUANG	PHÚ HỘI	0,60	0,40	1,00				0,40	0,40							
93	ĐƯƠNG KIM TRỌNG	PHÚ HỘI	1,00		1,00												
94	HỒ THỊ HÀ	PHÚ HỘI	1,00	0,5	1,50				0,5	0,50	0,08						
95	PHAN NGỌC CƯỜNG	PHÚ HỘI	0,70		0,70												
96	TRƯƠNG THANH	PHÚ HỘI	1,00		1,00						0,009						
97	TRƯƠNG NGỌC LINH	PHÚ HỘI	0,30		0,30						0,004						
98	PHAN NGỌC CỬ	PHÚ HỘI	0,80		0,80						0,02						
99	NGUYỄN THỊ TÂM	PHÚ HỘI	0,60		0,60						0,02						
100	VÕ VĂN CỬ	PHÚ HỘI					0,1			0,10	0,007						
101	TRẦN THỊ NỮ	PHÚ HỘI									0,12						
102	NGUYỄN TÂN VŨ	PHÚ HỘI	1,0		1,00						0,03						
103	ĐÀO THỊ HIỆP	PHÚ HỘI									0,09						
104	HỒ VĂN TÁNH	PHÚ HỘI	3,0	0,4	3,40	0,08			0,4	0,40							
105	NGUYỄN PHƯỚC	PHÚ HỘI	2,0		2,00	0,30											
106	ĐỖ THỊ SANG	PHÚ HỘI	2,0		2,00												
107	VÕ THỊ THU VÂN	PHÚ HỘI	1,5		1,50												
108	TRẦN QUỐC HÒA	PHÚ HỘI	1,0	0,8	1,80	0,23	0,1		0,8	0,90							
109	ĐỖ MINH THÀNH	PHÚ HỘI	0,55	2,5	3,05				2,5	2,50							
110	TRẦN LÂM ĐỒNG	PHÚ HỘI	0,5	0,3	0,80				0,3	0,30							
111	PHẠM THỊ KHUYẾT	PHÚ HỘI	0,5	0,3	0,80	0,15			0,3	0,30							
112	PHẠM NGỌC TRĂNG	PHÚ HỘI	2,0		2,00						0,07						
113	TRẦN ĐẮC VỊNH	PHÚ HỘI	0,4	0,7	1,10				0,7	0,70	0,004						
114	HOÀNG CÔNG HOAN	PHÚ HỘI	1,5	0,5	2,00	0,10			0,5	0,50							

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
115	HUỲNH TRƯỚC	PHÚ HỘI	0,3		0,30	0,13												
116	ĐƯƠNG THỊ ẸN	PHÚ HỘI	2,0		2,00					0,1								
117	VÕ VĂN THANH	PHÚ HỘI	2,8		2,80	0,10												
118	NGUYỄN THỊ CÂN	PHÚ HỘI	0,3		0,30					0,03								
119	ĐÀO CÔNG DANH	PHÚ HỘI	2,0	0,2	2,20				0,2	0,20	0,06							
120	NGUYỄN THANH TÂM	PHÚ HỘI	0,24		0,24					0,004								
121	TRẦN VĂN LONG	PHÚ HỘI	0,6		0,60													
122	LÊ VĂN BÌNH	PHÚ HỘI	1,5		1,50													
123	NGUYỄN THỊ KIM BÍCH	PHÚ HỘI	0,2		0,20													
124	NGUYỄN THỊ MỸ AI	PHÚ HỘI	0,5		0,50													
125	NGUYỄN ĐÌNH HOÀI	PHÚ HỘI	0,6		0,60													
126	HOÀNG TRUNG KIÊN	PHÚ HỘI	2		2,00													
127	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PHÚ HỘI	1,5		1,50					0,03								
128	NGUYỄN THỊ NGHỊ	PHÚ HỘI	0,2		0,20					0,02								
129	TRẦN THANH LƯU	PHÚ HỘI	0,2		0,20													
130	NGUYỄN THỊ MAI	PHÚ HỘI	0,4		0,40													
131	PHẠM HỮU DŨNG	PHÚ HỘI	0,95		0,95	0,20												
132	NGUYỄN VĂN RẠNG	PHÚ HỘI	0,38		0,38	0,23												
133	NGÔ THỂ VINH	PHÚ HỘI	0,4	2,5	2,90	0,50	2		2,5	4,50					14	0,01		
134	NGUYỄN HỒ THANH	PHÚ HỘI	0,6		0,60										10			
135	NGUYỄN TÙNG NGUYỄN	PHÚ HỘI	0,8		0,80													
136	NGUYỄN NGỌC TÌNH	PHÚ HỘI	2,5	0,5	3,00				0,5	0,50								
137	TRƯƠNG ĐÌNH VƯƠNG	PHÚ HỘI	3,0		3,00	0,34												
138	HOÀNG CHIẾN THẮNG	PHÚ HỘI	0,6		0,60	0,20												

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)													Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
139	HOÀNG XUÂN THẠCH	PHÚ HỘI	1,8	0,1	1,90				0,1	0,10	0,04						
140	NGUYỄN THƠ	PHÚ HỘI	2,0	1,0	3,00	0,10			1,0	1,00							
141	NGUYỄN THANH TÙNG	PHÚ HỘI	2,0		2,00	0,20											
142	LIU A BẦU	PHÚ HỘI	1,5		1,50												
143	TRẦN NGỌC HIỀN	PHÚ HỘI	0,4		0,40												
144	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	PHÚ HỘI	5,0		5,00												
145	TRẦN VĂN TỎ	PHÚ HỘI	0,7	1,3	2,00				1,3	1,30							
146	ĐỖ VĂN TOÀN	PHÚ HỘI	0,5	1,5	2,00				1,5	1,50	0,02						
147	NGUYỄN THANH	PHÚ HỘI		2,0	2,00				2	2,00							
148	LÊ VĂN BAY	PHÚ HỘI	1,5		1,50												
149	PHẠM NGỌC KHA	PHÚ HỘI	0,5		0,50												
150	NGUYỄN BAY -1	PHÚ HỘI	2,0		2,00												
151	NGUYỄN ĐỨC	PHÚ HỘI	0,80		0,80												
152	NGUYỄN VĂN MINH	PHÚ HỘI	0,9		0,90						0,1						
153	ĐUỠNG VĂN CỎ	PHÚ HỘI	1,2		1,20	0,33					0,1						
154	LÂM VĂN LỤC	PHÚ HỘI	3,8		3,80												
155	VÕ SỰ	PHÚ HỘI	1,00		1,00												
156	PHẠM VĂN ĐÔNG	PHÚ HỘI	0,30		0,30												
157	HÀ VĂN XIN	PHÚ HỘI	0,3		0,30												
158	TRẦN VĂN THẠCH	PHÚ HỘI	2,8		2,80												
159	TRẦN NGỌC SANH	PHÚ HỘI	1,4		1,40												
160	NGUYỄN THỨC	PHÚ HỘI	2,0		2,00												
161	NGUYỄN THANH NGỌC	PHÚ HỘI	4,0		4,00												
162	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PHÚ HỘI	2,0	0,3	2,30				0,3	0,30							

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)													Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
163	TRƯƠNG THANH LUÂN	PHÚ HỘI	1,0	2	3,00				2,0	2,00	0,02						
164	PHẠM NGỌC ANH	PHÚ HỘI	0,4	0,34	0,74				0,34	0,34							
165	NGUYỄN VĂN QUÝ	PHÚ HỘI	0,4	0,4	0,80	0,11			0,4	0,40							
166	NGUYỄN NGỌC SANH	PHÚ HỘI	0,1		0,10						0,04				7		
167	ĐÀO VĂN CHÍN	PHÚ HỘI	0,5	0,8	1,30	0,14			0,8	0,80					20		
168	NGÔ ĐÌNH THUY	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,16											
169	HUỲNH VĂN MÂN	PHÚ HỘI	0,9	0,3	1,20				0,3	0,30							
170	ĐÀO MINH TÂM	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
171	ĐỖ THANH QUANG	PHÚ HỘI	3,0	0,8	3,80				0,8	0,80							
172	TRƯƠNG ĐÌNH PHÚC	PHÚ HỘI	2,0		2,00												
173	NGUYỄN TÀI TỬ	PHÚ HỘI	0,1	0,1	0,20				0,1	0,10							
174	ĐÀO TÂN ĐỊNH	PHÚ HỘI	2,5		2,50												
175	ĐÀO TÂN ĐỆ	PHÚ HỘI		0,1	0,10				0,1	0,10							
176	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	PHÚ HỘI	1,0	1,0	2,00	0,15			1,0	1,00							
177	TRẦN CƯỜNG	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
178	TRẦN VĂN HUỆ	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
179	TRẦN THỊ NHỎ	PHÚ HỘI	0,7		0,70												
180	HUỲNH CHÍ LINH	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,20											
181	HUỲNH DUY LUÂN	PHÚ HỘI	0,2		0,20												
182	NGUYỄN YÊN	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,20											
183	TRƯƠNG DŨNG SĨ	PHÚ HỘI	0,6		0,60												
184	NGUYỄN VĂN KÊ	PHÚ HỘI	1,9	0,6	2,50				0,6	0,60							
185	NGUYỄN BÁ PHỤNG	PHÚ HỘI	1,2	0,5	1,70	0,20			0,5	0,50	0,2						
186	PHAN SÁU	PHÚ HỘI									0,07						

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
187	ĐO MINH VIỆT	PHÚ HỘI	0,6		0,60													
188	ĐO TRƯỜNG GIANG	PHÚ HỘI	0,3		0,30													
189	ĐO THỊ HỒNG NGÀ	PHÚ HỘI	1,00		1,00													
190	VÕ HÙNG	PHÚ HỘI	0,4	0,3	0,70				0,3	0,30								
191	DƯƠNG MINH LỘC	PHÚ HỘI	0,3		0,30													
192	NGUYỄN THẮNG-3	PHÚ HỘI	0,7	2,0	2,70				2	2,00								
193	TRẦN CHÍ HIỆU	PHÚ HỘI	1,5	1,2	2,70				1,2	1,20	0,02							
194	TRẦN NGỌC DÂN	PHÚ HỘI	1,5		1,50													
195	NGUYỄN ĐỨC TIẾNG	PHÚ HỘI	1,5	2,0	3,50				2	2,00	0,05							
196	TRẦN NGỌC HÙNG	PHÚ HỘI	0,08		0,08													
197	LÊ ĐÔNG PHÚC	PHÚ HỘI	0,1		0,10	0,17												
198	TRẦN VĂN ĐI	PHÚ HỘI	0,3		0,30													
199	NGUYỄN VĂN THÀNH (3)	PHÚ HỘI	0,4		0,40									47				
200	TRƯƠNG ĐÌNH LONG	PHÚ HỘI	0,6		0,60	0,20												
201	TRẦN CHÍ TẠO	PHÚ HỘI			0,00						0,2							
202	NGUYỄN HỮU THÀNH	PHÚ HỘI	0,8	0,1	0,90	0,37			0,1	0,10								
203	TRẦN THANH PHONG	PHÚ HỘI	0,8		0,80	0,30												
204	NGUYỄN THẮNG-2	PHÚ HỘI	1,0		1,00													
205	TRẦN VĂN LÊ	PHÚ HỘI	0,2		0,20	0,20												
206	VÕ THANH TÍCH	PHÚ HỘI	1,0	0,5	1,50				0,5	0,50								
207	NGUYỄN NGỌC	PHÚ HỘI	1,0	0,05	1,05	0,20			0,05	0,05								
208	TRƯƠNG NGỌC ĐẠT	PHÚ HỘI	0,3		0,30	0,18												
209	NGUYỄN VĂN SƠN	PHÚ HỘI	0,5	0,4	0,90	0,20			0,4	0,40								
210	NGUYỄN VĂN LÊ	PHÚ HỘI	1,0	1,0	2,00				1	1,00								

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)													Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
211	TRẦN NGỌC MAI	PHÚ HỘI		0,2	0,20				0,2	0,20							
212	HUYNH VĨNH	PHÚ HỘI	0,4		0,40												
213	NGUYỄN VĂN THỨC	PHÚ HỘI	0,6	0,1	0,70	0,12			0,1	0,10							
214	NGÔ VĂN TOÀN	PHÚ HỘI	0,4		0,40												
215	TRƯƠNG TÂN PHÁT	PHÚ HỘI	5,0	0,8	5,80	0,10			0,8	0,80							
216	ĐÀO KHOA	PHÚ HỘI	0,4	0,05	0,45				0,05	0,05							
217	DƯƠNG QUỐC TRIỆT	PHÚ HỘI	0,4	0,8	1,20				0,8	0,80							
218	NGUYỄN TRUNG CAN	PHÚ HỘI	3,0	0,1	3,10				0,1	0,10							
219	NGUYỄN THÊ DƯƠNG	PHÚ HỘI	0,3	0,2	0,50				0,2	0,20							
220	LÊ VĂN QUANG	PHÚ HỘI	0,8		0,80										8		
221	NGUYỄN VĂN ĐÀO	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
222	NGUYỄN THANH NGUYỄN	PHÚ HỘI	1,5		1,50												
223	NGUYỄN MINH THỨC	PHÚ HỘI	1,5		1,50												
224	LÊ VĂN DIỆP	PHÚ HỘI	2,5		2,50	0,14											
225	NGUYỄN BẾ	PHÚ HỘI	3,0		3,00												
226	NGUYỄN MẠNH	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
227	TRẦN THÁI HÒA	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
228	TRẦN VĂN SƠN	PHÚ HỘI	2,2		2,20												
229	NGUYỄN THIÊN	PHÚ HỘI	3,5		3,50			0,05		0,05							
230	LÊ ANH DUY	PHÚ HỘI	2,0		2,00	0,42											
231	NGUYỄN TUÂN LUẬN	PHÚ HỘI	1,0		1,00												
232	LÊ HỮU ĐỊNH	PHÚ HỘI	2,5		2,50												
233	TRẦN CỬU	PHÚ HỘI	0,8		0,80	0,13											
234	HUỶNH CUNG	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,60											

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)							
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
235	VÕ THANH HOÀNG	PHÚ HỘI	3,0		3,00													
236	NGUYỄN VĂN THẠCH	PHÚ HỘI	1,5		1,50			0,2		0,20								
237	LÊ VĂN TÍCH	PHÚ HỘI	5,0		5,00													
238	NGUYỄN VĂN HA	PHÚ HỘI	0,5		0,50													
239	VÕ THỊ MỸ DUNG	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,18												
240	TRẦN ANH ĐỆ	PHÚ HỘI	1,3	1,5	2,80				1,5	1,50								
241	NGUYỄN THỊ KHÁ	PHÚ HỘI	1,0		1,00													
242	ĐỖ THỊ BÀ Y	PHÚ HỘI	0,7		0,70	0,31												
243	TẠ CHÂU	PHÚ HỘI	0,5		0,50						0,03							
244	ĐÀO MINH ĐIỆN	PHÚ HỘI	2,0	1,0	3,00				1,0	1,00								
245	NGUYỄN BAY-3	PHÚ HỘI	2,0	0,2	2,20				0,2	0,20								
246	ĐỖ VĂN AN	PHÚ HỘI	1,0		1,00	0,15												
247	NGUYỄN ĐẮC QUẢN	PHÚ HỘI	1,0		1,00													
248	TRƯƠNG NGỌC KỶ	PHÚ HỘI		0,5	0,50	0,20			0,5	0,50								
249	PHẠM XUÂN CHUYỀN	PHÚ HỘI	1,5		1,50													
250	NGUYỄN THẠCH VŨ	PHÚ HỘI			0,00			0,4		0,40								
251	NGUYỄN THỀM	PHÚ HỘI	2,0	1,0	3,00				1,0	1,00								
252	NGUYỄN VĂN RÊ	PHÚ HỘI	4,5		4,50	0,38												
253	NGUYỄN BAN	PHÚ HỘI	0,6		0,60	0,20												
254	TRẦN THANH TÙNG	PHÚ HỘI			0,00			0,5		0,50								
255	NGUYỄN VĂN SÁU	PHÚ HỘI	2,0	1,0	3,00				1,0	1,00								
256	NGÔ VĂN LIỀN	PHÚ HỘI	1,0		1,00						0,1							
257	VÕ ĐOÀN LONG	PHÚ HỘI	1,0	1,0	2,00	0,22			1,0	1,00								
258	NGUYỄN THỊ NHẬN	PHÚ HỘI	0,2		0,20													

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
259	PHẠM XUÂN TRIỂN	PHÚ HỘI	10		10,00													
260	LÊ XUÂN TIỀN	PHÚ HỘI	0,3		0,30													
261	ĐẶNG THỌ	PHÚ HỘI	1,0		1,00													
262	PHẠM ĐÌNH NGÂN	PHÚ HỘI	0,5	0,2	0,70				0,2	0,20								
263	LÊ ĐÌNH PHONG	PHÚ HỘI	2,0	0,5	2,50				0,5	0,50								
264	NGUYỄN THỊ YÊN	PHÚ HỘI	0,6		0,60													
265	PHAN THỊ NHÂN-1	PHÚ HỘI	0,2		0,20										10			
266	DƯƠNG THANH PHONG	PHÚ HỘI	0,25		0,25													
267	LƯU VĂN CHÁNH	PHÚ HỘI	0,55	2,0	2,55				2,0	2,00								
268	PHAN THỊ NHÂN-2	PHÚ HỘI			0,00						0,03							
269	VÕ VĂN HOÀNG	PHÚ HỘI	1,4		1,40													
270	VÕ THANH TOÀN	PHÚ HỘI	1,6		1,60													
271	VÕ THANH THỊNH	PHÚ HỘI	1,1		1,10													
272	NGUYỄN THỊ NHUNG	PHÚ HỘI	0,2		0,20						0,02							
273	NGUYỄN VĂN BAO	PHÚ HỘI	0,25		0,25													
274	LÊ THÀNH TRUNG	PHÚ HỘI	1,7		1,70													
275	NGUYỄN TRUNG HIỆU	PHÚ HỘI	0,35	0,5	0,85	0,08			0,5	0,50								
276	TRƯƠNG ĐÌNH TÙNG	PHÚ HỘI	0,6		0,60													
277	LÊ VĂN HUÂN	PHÚ HỘI	4,0		4,00	0,20												
278	PHAN ĐÌNH TÚC	PHÚ HỘI	0,5	1,2	1,70				1,2	1,20								
279	ĐO THỊ NƯƠNG	PHÚ HỘI									0,03							
280	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	PHÚ HỘI						4		4,00								
281	PHẠM NGỌC TỶ	PHÚ HỘI				0,26									15			
282	LÊ LÂM	PHÚ HỘI													7			

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)													Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)					
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
283	NGÔ ANH VĂN	PHÚ HỘI												55			
284	NGUYỄN HIỆU ĐĂNG	PHÚ HỘI				0,10								30			
285	Võ Đoàn Quyên	PHÚ HỘI				0,14											
286	Nguyễn Nhưông	PHÚ HỘI				0,35											
287	Nguyễn Hồ Trạch	PHÚ HỘI				0,32											
288	Đinh Thị Hoa	PHÚ HỘI				0,10											
289	Võ Văn Hùng	PHÚ HỘI				0,22											
290	Đào Văn Sô	PHÚ HỘI				0,10											
291	Cao Văn Tuyển	PHÚ HỘI				0,18											
292	Lê Thị Yên	PHÚ HỘI				0,18											
293	Nguyễn Thị Kim Hoa	PHÚ HỘI				0,08											
294	Dương Hà	PHÚ HỘI				0,13											
295	Phạm Thị Thúy Nga	PHÚ HỘI				0,30											
296	Nguyễn Thị Trắc	PHÚ HỘI				0,17											
297	Nguyễn Thị Trúc	PHÚ HỘI				0,15											
298	Trần Thị Minh Tâm	PHÚ HỘI				0,16											
299	Phạm Ngọc Tú	PHÚ HỘI				0,20											
300	Nguyễn Thị Minh Đức	PHÚ HỘI				0,06											
301	Nguyễn Thị Ngọc Xin	PHÚ HỘI				0,15											
302	Võ Văn Thiên	PHÚ HỘI				0,15											
303	Lưu Văn Kính	PHÚ HỘI				0,18											

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)							
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
304	Phạm Tấn Hưng	PHÚ HỘI				0,10												
305	Nguyễn Thị Ngọc Tĩnh	PHÚ HỘI				0,24												
306	Phan Tấn Lục	PHÚ HỘI				0,28												
307	Jean Thị Ái Vân	PHÚ HỘI				0,08												
308	Phan Bá Duy	PHÚ HỘI				0,10												
309	Nguyễn Thị Kim Yên	PHÚ HỘI				0,16												
310	Đỗ Thị Ánh Hồng	PHÚ HỘI				0,30												
311	Bùi Công Vinh	PHÚ HỘI				0,15												
312	Nguyễn Thị Ái	PHÚ HỘI				0,25												
313	Nguyễn Can	PHÚ HỘI				0,11												
314	Nguyễn Văn Bình	PHÚ HỘI				0,27												
315	Mai Văn Nam	PHÚ HỘI				0,22												
316	Võ Tuấn Kiệt	PHÚ HỘI				0,14												
317	Trương Dũng Sỹ	PHÚ HỘI				0,30												
318	Phạm Thị Bảy	PHÚ HỘI				0,15												
319	Đào Minh Diệu	PHÚ HỘI				0,50												
320	Lương Văn Khanh	PHÚ HỘI				0,29												
321	Trương Thị Linh	PHÚ HỘI				0,30												
322	Nguyễn Văn Toán	PHÚ HỘI				0,20												
323	Trần Văn Đạm	PHÚ HỘI				0,36												
324	Nguyễn Thiêm	PHÚ HỘI				0,30												

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
325	Phan Thị Nhân	PHÚ HỘI				0,20												
	TỔNG CỘNG		319,26	61,59	380,85	21,70	2,50	25,30	61,59	89,39	2,21	0,0	0,0	135,0	333,0	0,01		

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

61	PHÙNG VĂN TỊNH	PHÚ XUÂN A	0,35	0,30	0,65												
62	NGUYỄN TẤN HÙNG	PHÚ XUÂN A	4,00	1,60	5,60									52		0,2	
63	NGUYỄN TÙNG	PHÚ XUÂN A						0,30		0,30							
64	NGUYỄN VĂN LÝ	PHÚ XUÂN A	0,15	2,00	2,15												
65	NGUYỄN VĂN SỬU	PHÚ XUÂN A		0,50	0,50												
66	PHAN PHÚ QUỐC	PHÚ XUÂN A		1,00	1,00												
67	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PHÚ XUÂN A		0,25	0,25												
68	ĐOÀN VĂN NHƯ	PHÚ XUÂN A		0,15	0,15												
69	ĐOÀN THỊ NGÀ	PHÚ XUÂN A						0,12		0,12							
70	VÕ THANH VĂN	PHÚ XUÂN A						0,17		0,17							
71	DƯƠNG VĂN YÊN	PHÚ XUÂN A		0,30	0,30												
72	NGUYỄN VĂN HÙNG	PHÚ XUÂN A		0,35	0,35												
73	DƯƠNG VĂN TUYẾT	PHÚ XUÂN A	3,00	0,20	3,20												
74	PHAN VĂN THỊNH	PHÚ XUÂN A		1,50	1,50												
75	NGÔ VIỆT TUẤN	PHÚ XUÂN A		0,20	0,20												
76	DƯƠNG THỊ SEN	PHÚ XUÂN A	0,20	0,20	0,40												
77	TRƯỜNG T. KIM NGỌC	PHÚ XUÂN A		0,20	0,20												
78	NGUYỄN KHẮC NGUYỄN	PHÚ XUÂN A	0,30	0,80	1,10												
79	NGUYỄN KHẮC LỰC	PHÚ XUÂN A		0,80	0,80												
80	PHAN VĂN KHÁNH	PHÚ XUÂN A						0,10		0,10							
81	BÙI THẾ HẠN	PHÚ XUÂN A						0,30	0,30	0,60				1		30	
82	TRẦN QUỐC GIANG	PHÚ XUÂN A		1,00	1,00												
83	NGUYỄN HÙNG SANG	PHÚ XUÂN A		0,70	0,70												
84	VÕ THANH	PHÚ XUÂN A		0,20	0,20					0,01							

85	NGUYỄN VĂN XUÂN	PHÚ XUÂN A		0,50	0,50												
86	TRƯỜNG THẾ MINH	PHÚ XUÂN A						0,10		0,10							
87	NGUYỄN VĂN Ý	PHÚ XUÂN A		0,50	0,50										30		
88	PHẠM TRUNG THÀNH	PHÚ XUÂN A						0,20		0,20							
89	PHẠM VĂN ANH	PHÚ XUÂN A		0,80	0,80												
90	DƯƠNG THANH BÌNH	PHÚ XUÂN A	0,30		0,30										10		
91	DƯƠNG THANH TUẤN	PHÚ XUÂN A	0,70	0,15	0,85										6		
92	NGUYỄN THỊ MINH	PHÚ XUÂN A		0,30	0,30												
93	NGÔ VĂN QUÝ	PHÚ XUÂN A		0,30	0,30												
94	NGUYỄN THANH HẠ	PHÚ XUÂN A		0,40	0,40												
95	ĐÀM THỊ HUỆ	PHÚ XUÂN A	0,30	0,70	1,00												
96	VÕ CÔNG	PHÚ XUÂN A	0,60	0,50	1,10												
97	TRẦN VĂN MINH	PHÚ XUÂN A	0,50	0,30	0,80						0,05						
98	PHÙNG MINH	PHÚ XUÂN A		0,30	0,30												
99	NGUYỄN THÀNH TÂN	PHÚ XUÂN A		1,00	1,00												
100	NGUYỄN CHÍ TÌNH	PHÚ XUÂN A	0,25	0,30	0,55										20		
101	HỒ TIẾN TÍNH	PHÚ XUÂN A		0,35	0,35										10		
102	NGUYỄN HOÀNG LONG	PHÚ XUÂN A	0,20		0,20										15		
103	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	PHÚ XUÂN A									0,22				15		
104	ĐỖ VĂN THUNG	PHÚ XUÂN A	0,35		0,35										10		
105	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHÚ XUÂN A	0,28	0,30	0,58										20		
106	HUỲNH NGỌC HÓN	PHÚ XUÂN A	2,30		2,30										30		
107	VÕ HƠN	PHÚ XUÂN A	3,00	0,50	3,50												
108	NGUYỄN THỊ LÝ	PHÚ XUÂN A									0,10				5		

[illegible]

133	TẠ THỊ ĐẸP	PHÚ XUÂN A													10		
134	NGUYỄN THỊ ÁNH VIỆT	PHÚ XUÂN A													20		
135	LÊ VĂN PHƯỚC	PHÚ XUÂN A													20		
136	TRẦN THỊ ÚT	PHÚ XUÂN A													8		
137	LÊ THỊ THẨM	PHÚ XUÂN A													20		
138	KẾ MINH TÂM	PHÚ XUÂN A													20		
139	VÕ MINH NGUYỆT	PHÚ XUÂN A													50		
140	TRƯƠNG NGỌC TÍN	PHÚ XUÂN A													20		
141	NGUYỄN SÁU	PHÚ XUÂN A									0,07				10		
142	TRẦN NGỌC HÒA	PHÚ XUÂN A													30		
143	NGUYỄN Y	PHÚ XUÂN A													30		
144	NGUYỄN VĂN QUANG	PHÚ XUÂN A									0,16				8		
145	TRẦN NGỌC PHỤNG	PHÚ XUÂN A													35		
146	VĂN ĐỨC TUẤN	PHÚ XUÂN A												27	60		
147	HỒ ĐÌNH HÀ	PHÚ XUÂN A													10		
148	NGUYỄN VĂN CƯ	PHÚ XUÂN A													30		
149	LƯƠNG THỊ KIM THANH	PHÚ XUÂN A													40		
150	NGUYỄN THANH LIÊM-1	PHÚ XUÂN A		0,80	0,80						0,01				30		
151	NGUYỄN THỊ LAN	PHÚ XUÂN A													20		
152	NGUYỄN VĂN THỨ	PHÚ XUÂN A											1		30		
153	NGUYỄN VĂN TRÍ	PHÚ XUÂN A													30		
154	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	PHÚ XUÂN A													25		
155	ĐOÀN HÀN NI	PHÚ XUÂN A													20		
156	BÙI THANH PHƯỢNG	PHÚ XUÂN A											1				

157	PHẠM BỒN	PHÚ XUÂN A													40		
158	VÕ THI HOA	PHÚ XUÂN A													30		
159	PHẠM THỊ THƯỜNG	PHÚ XUÂN A													10		
160	NGUYỄN VĂN MAU	PHÚ XUÂN A													40		
161	HUỲNH MINH	PHÚ XUÂN A		0,50	0,50						0,03				20		
162	HỒ THỊ LIÊN	PHÚ XUÂN A									0,01				20		
163	NGUYỄN THANH TÂN	PHÚ XUÂN A		1,15	1,15						0,004				20		
164	NGUYỄN NGỌC	PHÚ XUÂN A													2		
165	ĐẶNG HUY	PHÚ XUÂN A													5		
166	NGUYỄN VĂN TRUNG	PHÚ XUÂN A													20		
167	VŨ THANH AN	PHÚ XUÂN A													20		
168	ĐOÀN THỊ NHƠN	PHÚ XUÂN A	0,20		0,20						0,16		1	50	100	0,1	
169	NGUYỄN TRỌNG TÁ	PHÚ XUÂN A														0,03	
170	VÕ THỊ MINH NGUYỆT	PHÚ XUÂN A														0,10	
	TỔNG CỘNG		38,88	49,51	88,39	0,00	0,00	6,71	1,95	8,67	2,84	0	4	134	1.733	0,46	

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

91	TRẦN THÚY HUYỀN	đội 2	soi cây da	0,2		0,20	0,07											
92	ĐỖ ÁI LIÊM	đội 2	suối mây	1,3		1,30												
93	NGUYỄN THỊ GÁI	đội 2	đồng gốc	0,11		0,11	0,06					0,01						
94	PHẠM NGỌC PHÊ	đội 2	đồng gốc		0,1	0,10												
95	LÊ XUÂN THÀNH	đội 2	suối mây	2,00		2,00												
96	LÊ XUÂN NHỰT	đội 2	suối mây	2,6		2,60												
97	NGUYỄN VĂN HIẾN	đội 2	đồng gốc,	0,43	0,075	0,51												
98	LÊ HIẾN DƯƠNG	đội 2	s cây da	0,13		0,13												
99	TRẦN VĂN CHUNG	đội 2	đồng găng	0,12		0,12												
100	TRẦN NGỌC TAM	đội 2	suối mây	3,2		3,20	0,06					0,1						
101	BÙI TƯ	đội 2	suối mây	2,6		2,60						0,2						
102	TRẦN KIM PHƯỢNG	đội 2	phú xuân b			0,00						0,19						
103	LÊ THỊ XUÂN CÚC	đội 2	suối mây	0,7		0,70												
104	NGUYỄN ANH DUY	đội 2	suối mây	0,4	0,3	0,70	0,10											
105	HUỲNH VĂN ĐỊNH	đội 2	đồng gốc	0,1		0,10	0,11											
106	LÊ ANH TUẤN	đội 2	suối mây	0,1	0,3	0,40	0,10											
107	MẠNH HUỲNH HẢI	đội 2	suối mây	0,6		0,60												
108	MẠNH VĂN HÙNG	đội 2	suối mây	1,9		1,90												
109	MẠNH HUỲNH HỘI	đội 2	suối mây	1,00		1,00	0,16											
110	HỒ VĂN QUANG	đội 2	sở mỹ	1,2		1,20	0,15											
111	LƯƠNG VĂN HUYỀN	đội 2	suối mây	3,2	0,15	3,35		0,1			0,05							
112	NGUYỄN TẤN KHÁNH (bùì t.k hồng))	đội 2	sở mỹ	0,2	0,2	0,40		0,2			0,15							
113	VĂN THANH ĐỊNH	đội 2	đồng gốc			0,00	0,14									10		
114	NGUYỄN ANH QUỐC	đội 3	đất đen	2,20	0,40	2,60	0,47											
115	NGUYỄN TÚ NGHIÊM	đội 3	đất đen		1,20	1,20	0,20											
116	NGUYỄN THANH SƠN	đội 3	hòn cao	1,50	0,70	2,20		0,2			0,15	0,1						

[illegible]

142	NGUYỄN THỊ TÁNH	đội 3	lỗ đập	0,2		0,20	0,07											
143	NGUYỄN BÁ TỶ	đội 3	xóm moi			0,00	0,20									60		
144	NGÔ PHƯỚC	đội 3				0,00										30		
145	TRẦN MINH CAN (lê thi vân)	ĐỘI 4	soi sủng		0,10	0,10												
146	VÕ NGỌC MINH	đội 4	soi sủng		0,1	0,10												
147	PHẠM VĂN PHONG	đội 4	lỗ cùng	0,5		0,50	0,25			1,30	1,30	0,02						
148	LÊ THANH TUẤN	đội 4	soi sủng	0,5		0,50												
149	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	đội 4	lỗ cùng			0,00				0,20	0,20							
150	PHẠM QUỐC TUẤN	đội 4	suối mây	0,3		0,30	0,13											
151	LÊ THANH TÙNG	đội 4	soi sủng	0,5		0,50												
152	NGUYỄN MINH SƯƠNG	đội 4	lỗ cùng	0,1		0,10				0,20	0,20	0,02						
153	PHẠM XUÂN LƯỢM	đội 4	lỗ cùng		0,1	0,10												
154	PHẠM THỊ QUỐC DÂN	đội 4	lỗ cùng		0,5	0,50												
155	TRẦN THỊ ĐÀO	đội 4			0,5	0,50	0,18									20		
156	NGUYỄN MINH VŨ (bS)	đội 4	ruộng bỏ	0,1		0,10	0,18											
157	NGUYỄN TRỌNG CHÍ	đội 4	soi sủng		0,4	0,40	0,15											
158	NGUYỄN THANH LONG	đội 4	soi sủng			0,00				0,22	0,22							
159	NGUYỄN CHÍ THANH	đội 4	đồng gốc		0,1	0,10												
160	TRẦN VĂN NGỌC	đội 4	lỗ cùng			0,00	0,06			0,10	0,10	0,01				20		
161	NGUYỄN SIÊNG	đội 4	tà lãnh			0,00	0,23			0,10	0,10							
162	PHẠM VĂN TÂN	đội 4	gò găng			0,00				0,15	0,15							
163	TẶNG THỊ THAO	đội 4	gò găng		0,1	0,10												
164	ĐÌNH LÊ BẢO NGỌC	đội 4	phú hội	1,3	0,5	1,80												
165	TẶNG HỮU HIỆP	đội 4	gò đình		0,1	0,10												
166	PHẠM KIM HÒA	đội 4	đồng đá		0,12	0,12	0,12											
167	PHAN ĐÌNH PHÚC	đội 4	lỗ cùng	0,13	0,4	0,53												
168	HỒ THỊ HIÊN	đội 4	nhà			0,00						0,01						

[illegible]

196	NGUYỄN VĂN THÂN	ĐỘI 5	nhà			0,00										50		
197	VÕ THỊ LÁNH	ĐỘI 5				0,00										5		
198	LÊ THANH	ĐỘI 6	nhà			0,00						0,009				10		
199	DƯƠNG THỊ THỌ	ĐỘI 6	nhà			0,00						0,009						
200	NGUYỄN VĂN NHẬN	ĐỘI 6	nhà			0,00						0,02						
201	NGUYỄN VĂN MINH	ĐỘI 6	nhà			0,00		0,2			0,20							
202	TRƯƠNG HỮU CHÁNH	ĐỘI 6	nhà			0,00										6		
203	NGUYỄN NGỌC HÒA	ĐỘI 6	nhà			0,00										7		
204	NGUYỄN NGỌC SƠN	ĐỘI 6	nhà			0,00										3		
205	NGUYỄN HỮU LÂM	ĐỘI 6	nhà			0,00									9			
206	NGUYỄN THÁI	ĐỘI 6	đồng bé			0,00										6		
207	ĐÀO THÁI HÙNG	ĐỘI 6	nhà			0,00										6		
208	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	ĐỘI 6	nhà			0,00										6		
209	TRƯƠNG THÂM KHANG	ĐỘI 6	nhà			0,00										6		
210	BẠCH CẢNH	ĐỘI 6	đồng gốc			0,00										30		
211	NGÔ THỊ CẨM	ĐỘI 6	nhà			0,00										45		
212	NGUYỄN THỊ KHANH	đội 6			0,1	0,10						0,02				20		
213	TRƯƠNG THANH LÂM	ĐỘI 6				0,00										20		
214	ĐÀO NGỌC MÃN	đội 7				0,00										5		
215	PHẠM CƯỜNG	đội 7	đồng đá			0,00										20		
216	ĐINH VĂN BÌNH	đội 7	nhà			0,00										12		
217	LÊ THỊ HOA (5 mẹo)	đội 7	nhà			0,00										10		
218	TRƯƠNG THỊ HOÀNG ANH	đội 7	nhà			0,00										3		
219	NGUYỄN SINH NHẬT	đội 7	suối mây			0,00										15		
220	LÊ VĂN PHI	đội 7	nhà			0,00										60		
221	NGUYỄN THI LANG (trình thị thu)	đội 7	nhà			0,00										70 nhỏ		

[illegible]

249	LÊ XUÂN SANH	ĐỘI 8	lễ cùng			0,00				0,1	0,10					15		
250	NGUYỄN THỊ SÁU	ĐỘI 8				0,00										10		
251	NGUYỄN VĂN TƯ	ĐỘI 8	nhà		0,1	0,10										20		
252	ĐỖ TIỀN DUẬT	ĐỘI 8				0,00										20		
253	ĐỖ THỊ HỒNG DIỄM	ĐỘI 8	nhà			0,00										12		
254	NGUYỄN VĂN TÁM	ĐỘI 8				0,00										10		
255	NGÔ ĐÌNH SƠN	ĐỘI 8				0,00										10		
256	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	ĐỘI 8	nhà			0,00										30		
257	VÕ ĐÌNH VĂN	ĐỘI 8	nhà			0,00										20		
258	ĐỖ THỊ HẬU	ĐỘI 8	nhà			0,00										20		
259	TRẦN THỊ LOAN	ĐỘI 8	nhà			0,00										20		
260	TRAN THỊ THANH (cao bach h tuần	ĐỘI 8				0,00										20		
261	LƯU THỊ KỲ	ĐỘI 8	đồng góc			0,00				0,1	0,10					120		
262	NGUYỄN HỒNG QUÝ	ĐỘI 8				0,00										11		
263	NGUYỄN TẤN LỢI	ĐỘI 8				0,00										5		
264	NGUYỄN THỊ THÀNH (điệu)	ĐỘI 8	nhà			0,00										10		
265	ĐÀO MINH THÀNH	ĐỘI 8	nhà			0,00										20		
266	LƯU CÔNG	ĐỘI 8				0,00										20		
267	TRƯƠNG THỊ KIM TUYẾT	ĐỘI 8	nhà			0,00										30		
268	NGUYỄN VĂN TÂN - 1	ĐỘI 9	đồng găng			0,00										20		
269	NGUYỄN QUỐC HÒA	ĐỘI 8	nhà			0,00										10		
270	NGUYỄN VĂN TÂN	ĐỘI 9	suối tía			0,00		0,3			0,30							
271	NGUYỄN THỊ MINH THỦY	ĐỘI 9	nhà			0,00	0,25					0,2						
272	NGÔ ĐÌNH CHUNG	ĐỘI 9	xóm mới			0,00			0,2		0,20	0,2				10		
273	PHAN THỊ THANH TÂM (3 chánh)	ĐỘI 9	suối mây	8		8,00			1		1,00							
274	NGUYỄN NGỌC THANH	ĐỘI 9	đội 9			0,00						0,02				87		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

383	Nguyễn Văn Trí	Đội 4	"				0,11											
384	Nguyễn Nhịn	Đội 4	"				0,19											
385	Đỗ Thị Núp	Đội 4	"				0,14											
386	Nguyễn Văn Toàn	Đội 4	"				0,16											
387	Phạm Thị Hiền	Đội 4	"				0,06											
388	Trần Văn Ngọc (Hoa)	Đội 8	"				0,07											
389	Phù Thị Linh Thúy	Đội 8	"				0,08											
390	Trần Thị Hiệp	Đội 2	"				0,15											
	TỔNG CỘNG			185,3	27,3	212,7	25,5	4,0	14,24	10,38	28,57	2,136	3	1	44	3.640	0	

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN PHƯỚC HÒA

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến			Mức thiệt hại trên 70%						Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)							
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+(7)	9	10	11	12	13	14	15	
1	LÊ VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA	3,00		3,00					0,00					30			
2	LƯƠNG ĐÌNH NHO	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009							
3	LƯƠNG THỊ OANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					5			
4	LƯƠNG ĐÌNH THÚY	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004							
5	LƯƠNG VĂN MAI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009				30			
6	NGUYỄN VĂN NAM	PHƯỚC HÒA		0,05	0,05					0,00	0,03				8			
7	NGUYỄN THANH LIÊM (Đ1)	PHƯỚC HÒA		0,19	0,19					0,00								
8	NGUYỄN HIỆP	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02							
9	LƯƠNG VIỆT BÌNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				10			
10	HUỲNH THANH TÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					95			
11	NGUYỄN THỊ SÁU (Đội 1)	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20					0,00	0,009							
12	TRẦN VĂN SUM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				15			
13	LƯƠNG VĂN CÔNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,05				30			
14	NGUYỄN VĂN MAI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01			10	40			

15	TRẦN THỊ TÁM	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10					0,00						
16	HUỖNH MINH TÂM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				15	
17	HUỖNH VĂN TÚ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01					
18	HUỖNH VĂN THANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				20	
19	ĐỖ THANH HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004					
20	ĐỖ VĂN HẬU	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				15	
21	NGUYỄN NGỌC TÂN	PHƯỚC HÒA			0,00		0,1			0,10						
22	LÊ HỒNG HẢI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007				20	
23	HUỖNH DƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				6	
24	NGUYỄN THANH VÂN	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10					0,00						
25	NGUYỄN THANH DUY	PHƯỚC HÒA		0,30	0,30					0,00	0,02				5	
26	NGUYỄN DŨNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				60	
27	NGUYỄN CHÍ THÀNH	PHƯỚC HÒA			0,00			0,20		0,20						
28	NGUYỄN NGỌC YÊN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				10	
29	TRẦN GIANG NHÂN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				115	
30	TRẦN NGỌC CHÍNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				290	
31	NGUYỄN KỶ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					25	
32	NGUYỄN THANH ĐÀM	PHƯỚC HÒA			0,00										8	
33	NGUYỄN VĂN ĐẠM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,00				30	
34	NGUYỄN MINH HÒA	PHƯỚC HÒA		0,30	0,30					0,00	0,03					
35	TRẦN MẠNH HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,04				88	
36	NGUYỄN VĂN THANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				12	
37	LƯƠNG ĐÌNH QUÍ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				2	
38	NGUYỄN THỊ MÀU	PHƯỚC HÒA			0,00			0,20		0,20	0,02				2	
39	NGUYỄN QUÝ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				30	
40	TRƯƠNG TÂN HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				30	
41	NGUYỄN VĂN ĐỨC (Đội 1)	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					30	
42	NGUYỄN THỊ HIỀN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007					

43	NGUYỄN VĂN NHO	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				15		
44	NGUYỄN TIẾN ẢO	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				20		
45	PHẠM HÙNG THIÊN	PHƯỚC HÒA		0,05	0,05			0,10		0,10	0,01				27		
46	PHẠM THỊ LAN (Đội 1)	PHƯỚC HÒA			0,00			0,40		0,40							
47	TRẦN QUANG LỊCH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,08				10		
48	THÁI LÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				27		
49	LÊ HỒNG VÂN (Đội 1)	PHƯỚC HÒA	6,00		6,00					0,00							
50	NGUYỄN THÀNH TIÊN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					20		
51	NGUYỄN KIM ĐUỜ	PHƯỚC HÒA		0,05	0,05					0,00	0,09				12		
52	TRƯỞNG TẤN HẢI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					10		
53	PHAN THỊ NHỊ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					15		
54	TRẦN HIÊN MINH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					20		
55	TRẦN VĂN LONG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,40		0,40					50		
56	TRẦN QUANG SƠN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
57	TRẦN QUANG BÌNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02			8	60	0,02	
58	HUỲNH NGHĨA	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					10		
59	TRẦN MINH TRÍ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				20		
60	NGUYỄN NGỌC TỶ	PHƯỚC HÒA		0,50	0,50					0,00	0,01				12		
61	NGUYỄN VĂN THẾ	PHƯỚC HÒA		1,20	1,20					0,00	0,01						
62	PHẠM THÀNH	PHƯỚC HÒA		0,30	0,30					0,00							
63	NGUYỄN THỊ TẠO	PHƯỚC HÒA		0,20	0,20					0,00							
64	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,003						
65	TRẦN VĂN CẦU	PHƯỚC HÒA	0,20		0,20					0,00							
66	HỒ MINH SƠN	PHƯỚC HÒA	0,20		0,20					0,00	0,01						
67	PHẠM LÝ	PHƯỚC HÒA	1,00		1,00					0,00	0,02						
68	PHẠM VĂN LÂM	PHƯỚC HÒA	0,05		0,05					0,00							
69	ĐÀO VĂN MINH	PHƯỚC HÒA	1,30		1,30					0,00	0,009						
70	CAO VĂN BÌNH	PHƯỚC HÒA	0,20		0,20					0,00							

71	NGUYỄN NĂM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
72	NGUYỄN THUẬN (Đội 2)	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					100		
73	PHẠM HỮU VINH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				60		
74	PHẠM THỊ THÚY	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004				40		
75	LÊ XUÂN KHÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
76	PHẠM HỮU TÀN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,005						
77	TRẦN XUÂN THANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
78	LÊ VŨ THẮNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
79	PHẠM CHÍ HIẾU	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
80	TRẦN VĨNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
81	NGUYỄN VĂN TÍNH	PHƯỚC HÒA	4,00		4,00					0,00							
82	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	PHƯỚC HÒA	0,40		0,40					0,00							
83	PHẠM MINH TÂM	PHƯỚC HÒA	0,20		0,20					0,00	0,01				12		
84	NGUYỄN BÁ TÔNG	PHƯỚC HÒA	0,50		0,50					0,00	0,02				10		
85	PHẠM THỊ TRANG	PHƯỚC HÒA	0,30		0,30					0,00	0,004				50		
86	ĐỖ VĂN ĐẬM	PHƯỚC HÒA	1,20		1,20					0,00							
87	PHẠM NGHIỆP	PHƯỚC HÒA	2,50		2,50					0,00	0,004						
88	HỒ LONG	PHƯỚC HÒA		0,20	0,20					0,00	0,02						
89	PHAN VĂN DŨNG	PHƯỚC HÒA	2,00		2,00					0,00							
90	VÕ VĂN THANH	PHƯỚC HÒA	4,00		4,00					0,00					8		
91	TRẦN VĂN TÍNH	PHƯỚC HÒA	0,20		0,20					0,00							
92	NGUYỄN VĂN QUÝ	PHƯỚC HÒA	1,00		1,00					0,00							
93	PHAN VĂN HOAN	PHƯỚC HÒA	5,00		5,00					0,00							
94	PHẠM ĐÌNH SỰ	PHƯỚC HÒA		0,15	0,15					0,00					12		
95	NGUYỄN PHỤNG	PHƯỚC HÒA		0,12	0,12					0,00							
96	PHẠM VĂN HIỆP	PHƯỚC HÒA		0,15	0,15					0,00							
97	TRẦN HỮU QUA	PHƯỚC HÒA		1	1,00					0,00	0,02					0,02	
98	TRẦN QUÝ NHƯ	PHƯỚC HÒA	5,00		5,00					0,00					70		

99	VĂN THÁI HÙNG	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10					0,00							
100	TRỊNH VĂN NGHIÊM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
101	PHẠM THÀNH SƠN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
102	TRÌNH SỸ	PHƯỚC HÒA		0,5	0,50					0,00							
103	LÊ THỊ XONG	PHƯỚC HÒA		1	1,00					0,00							
104	BÙI NGỌC HÓA	PHƯỚC HÒA	0,25		0,25					0,00	0,01				10		
105	PHẠM DŨNG	PHƯỚC HÒA		0,5	0,50					0,00	0,04						
106	PHẠM VĂN THỌ	PHƯỚC HÒA		0,3	0,30					0,00							
107	PHẠM THÁI HÒA	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10					0,00							
108	NGÔ ĐÌNH SÁU	PHƯỚC HÒA	0,15	0,15	0,30					0,00			2				
109	LÊ HỮU KHÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,05				150		
110	NGÔ TÂN ĐỨC	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				32		
111	NGUYỄN VĂN TIÊN	PHƯỚC HÒA	1,2		1,20					0,00					12		
112	NGÔ XUÂN SANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				40		
113	NGÔ VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,8		0,80					3		
114	TÔNG XUÂN HUYNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					30		
115	NGUYỄN HOÀI NAM	PHƯỚC HÒA		1,15	1,15					0,00							
116	VĂN THANH MÃN	PHƯỚC HÒA	0,55		0,55					0,00			1		100		
117	LÊ NGỌC MẠNH	PHƯỚC HÒA			0,00			4		4,00							
118	ĐOÀN THANH LIÊM	PHƯỚC HÒA			0,00			0,45		0,45							
119	LÊ HÙNG TUẤN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,7		0,70							
120	TRƯƠNG TÂN ĐỒNG	PHƯỚC HÒA			0,00			2		2,00							
121	NGUYỄN VĂN CÔNG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,25		0,25							
122	NGUYỄN VĂN CHI	PHƯỚC HÒA			0,00			0,7		0,70							
123	NGUYỄN QUANG HUY	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
124	NGUYỄN TÂN SỸ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
125	NGUYỄN THỊ CANG	PHƯỚC HÒA		0,07	0,07					0,00	0,15						
126	BÙI VĂN MINH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,04						

127	LÊ BÁ KHANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
128	VÕ HỒNG LANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
129	NGUYỄN NGOC DUƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
130	NGUYỄN NGOC PHONG	PHƯỚC HÒA		1,5	1,50					0,00	0,004						
131	NGUYỄN THỊ NHỎ	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10					0,00							
132	PHẠM TRẦN TRỊ	PHƯỚC HÒA		0,05	0,05					0,00					4		
133	VÕ HỒNG THÁI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
134	LÊ XUÂN DUNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				15		
135	ĐẶNG VĂN LONG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
136	ĐẶNG NGỌC TIẾN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,08						
137	NGUYỄN NGỌC TUY	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
138	NGUYỄN NGỌC TÂM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
139	VÕ VĂN TRỊ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
140	NGUYỄN THỊ THỦY	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03						
141	BÙI VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,06						
142	BÙI NGỌC HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				40		
143	ĐÀO VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20					0,00	0,02				17		
144	LÊ THỊ BA	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004				10		
145	VÕ VĂN TRÀ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						
146	NGUYỄN THUẬN (Đội 4)	PHƯỚC HÒA			0,00						0,02				20		
147	LÊ THỊ LANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,6				27		
148	VÕ THỊ NHỊ (THỦY)	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20					0,00	0,02				20		
149	HUỲNH THỊ NHÂN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
150	NGUYỄN BỐ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				10		
151	NGUYỄN VĂN NHỰT	PHƯỚC HÒA		1	1,00					0,00	0,01						
152	TRẦN NGỌC HÒA	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009				4		
153	NGÔ KHẮC KHẢI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,04						
154	PHẠM THỊ THÊ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,1						

155	TRẦN XUÂN KHÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
156	NGUYỄN VĂN HẠNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
157	LÊ HỮU THÀNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
158	LÊ XUÂN SANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
159	LÊ THỊ THU (Đội 4)	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				2		
160	LÊ XUÂN PHƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
161	TRẦN THỊ KIM HOAN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
162	NGUYỄN THÀNH TRUNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
163	NGUYỄN TẤN LUẬT	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
164	TRẦN HIỆP	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009				10		
165	TRẦN THỊ THANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				30		
166	TRẦN KHANH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007				84		
167	TRẦN THỊ NGỌC THÁI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004				15		
168	TRÌNH THỊ THÂN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
169	HUỲNH VĂN PHÚ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
170	TRÌNH TẤN THỊNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
171	NGÔ THẠCH LAM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01						
172	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				6		
173	PHẠM THỊ HỒNG NHẬN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,01				10		
174	LÊ XUÂN HƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						
175	TRẦN VĂN CHÂU	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,03				10		
176	NGUYỄN ĐÔNG GIANG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,004						
177	LÊ XUÂN VINH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,013						
178	HUỲNH NGỌC CẦU	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
179	PHAN ANH LÝ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						
180	VŨ XUÂN MỸ	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02						
181	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						
182	NGUYỄN MINH PHÁT	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						

183	TRẦN CƯ	PHƯỚC HÒA			0,00			0,5		0,50							
184	NGUYỄN THỊ NHUNG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,5		0,50					6		
185	TRẦN XUÂN HIỆP	PHƯỚC HÒA			0,00			0,4		0,40							
186	VÕ THANH TÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,34				0,00					800		
187	NGUYỄN TRUNG TÁ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,08				0,00					35		
188	PHAN THANH ĐAM	PHƯỚC HÒA			0,00			0,15		0,15							
189	PHAN ANH KHÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00			0,15		0,15							
190	HUỲNH NGỌC LỢI	PHƯỚC HÒA	0,4	0,2	0,60												
191	HUỲNH NGỌC SƠN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,3		0,30							
192	HUỲNH NGỌC LIÊM	PHƯỚC HÒA		0,35	0,35												
193	HUỲNH NGỌC LÂM	PHƯỚC HÒA			0,00			0,65		0,65							
194	HUỲNH NGỌC TÂM	PHƯỚC HÒA			0,00			1		1,00							
195	NGUYỄN VĂN TÂN (Đội 5)	PHƯỚC HÒA			0,00			0,5		0,50							
196	NGUYỄN VĂN LONG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,08		0,08							
197	NGUYỄN VĂN LỆ	PHƯỚC HÒA			0,00			0,3		0,30							
198	NGUYỄN MINH MẠNH	PHƯỚC HÒA			0,00			4,7		4,70							
199	TRƯƠNG TẤN TÀI (Đội 5)	PHƯỚC HÒA			0,00			0,5		0,50							
200	LÊ THỊ LÝ	PHƯỚC HÒA			0,00			0,6		0,60							
201	HUỲNH THỊ LIỄU	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,002						
202	NGUYỄN NGỌC VĂN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,008						
203	ĐINH NGUYỄN NHƯ MINH	PHƯỚC HÒA	8		8,00			0		0,00							
204	NGUYỄN ANH VŨ	PHƯỚC HÒA			0,00			0,5		0,50							
205	NGUYỄN THỊ LẬT	PHƯỚC HÒA			0,00			0,1		0,10							
206	NGUYỄN TRUNG ÚY	PHƯỚC HÒA			0,00			0,15		0,15					15		
207	NGUYỄN TRUNG LẮM	PHƯỚC HÒA			0,00			0,6		0,60							
208	NGUYỄN THANH LONG	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40					0,00							
209	NGUYỄN VĂN SƠN	PHƯỚC HÒA	0,06		0,06					0,00							
210	NGUYỄN THỊ NHỊ	PHƯỚC HÒA	1		1,00					0,00							

211	NGUYỄN VĂN HỒNG	PHƯỚC HÒA	1		1,00					0,00							
212	NGUYỄN NGỌC NHUNG	PHƯỚC HÒA	0,05		0,05					0,00							
213	NGUYỄN THANH	PHƯỚC HÒA			0,00			0,3		0,30							
214	VŨ VĂN LA	PHƯỚC HÒA	2		2,00					0,00							
215	LÊ KHÁNH DI	PHƯỚC HÒA	0,1		0,10					0,00					35		
216	NGUYỄN THỊ LẬP	PHƯỚC HÒA			0,00			0,22		0,22				1	3		
217	PHAN LONG YÊN	PHƯỚC HÒA	0,15		0,15					0,00							
218	LÊ NGỌC TUẤN	PHƯỚC HÒA	6	3	9,00	0,16				0,00							
219	LÊ VĂN RI	PHƯỚC HÒA	4		4,00					0,00							
220	LÊ PHƯƠNG GIANG	PHƯỚC HÒA	0,07		0,07					0,00							
221	LÊ TRƯỜNG SƠN	PHƯỚC HÒA	1		1,00					0,00							
222	LÊ THẠCH ĐÔNG SUNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,04						
223	LÊ THẠCH HOÀNG LAM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,02				4		
224	VÕ VĂN PHƯỜNG	PHƯỚC HÒA			0,00			1,5		1,50							
225	HOÀNG MINH PHƯỚC	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,008						
226	ĐỖ VĂN TU	PHƯỚC HÒA	2		2,00				0,4	0,40							
227	NGUYỄN THANH BÌNH	PHƯỚC HÒA	0,25	0,1	0,35					0,00							
228	ĐỖ VIỆT NHÂN	PHƯỚC HÒA	0,5		0,50	0,08				0,00							
229	NGUYỄN TRỌNG ÁNH	PHƯỚC HÒA	0,12		0,12					0,00							
230	CAO XUÂN LÃNH	PHƯỚC HÒA	8,5		8,50					0,00							
231	CAO THÀNH TỎ	PHƯỚC HÒA	2,5		2,50				1	1,00							
232	CAO THANH LỊCH	PHƯỚC HÒA			0,00			7	1,5	8,50							
233	NGUYỄN VĂN ĐỨC (Đội 7)	PHƯỚC HÒA			0,00			1	2	3,00							
234	CAO XUÂN SANG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,04						
235	CAO THỊ SA	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,1						
236	NGUYỄN VĂN HÒA	PHƯỚC HÒA			0,00			0,3		0,30							
237	LÊ TIẾN	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,1						
238	TRẦN THANH HỨA	PHƯỚC HÒA			0,00			0,2		0,20							

239	TRẦN VĂN THẢO	PHƯỚC HÒA			0,00			0,1	4	4,10							
240	LÊ LỢI	PHƯỚC HÒA			0,00			5		5,00							
241	LÊ NGỌC PHƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00			0,01		0,01							
242	CAO THANH GIANG	PHƯỚC HÒA			0,00			4	1	5,00							
243	NGUYỄN VĂN THÀNH (Đội 7)	PHƯỚC HÒA	0,24		0,24				0,07	0,07					3		
244	VÕ THỊ KIM HÒA	PHƯỚC HÒA	0,12		0,12	0,12			0,05	0,05							
245	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PHƯỚC HÒA	3,4		3,40					0,00							
246	LÊ THỊ THU (Đội 6)	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10												
247	NGUYỄN NGỌC NỞ	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30				1	1,00							
248	NGUYỄN THỊ TỔNG	PHƯỚC HÒA	0,13	0,05	0,18					0,00							
249	NGUYỄN NGỌC QUẢ	PHƯỚC HÒA		2,1	2,10					0,00							
250	LÊ HỒNG VÂN (Đội 7)	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20												
251	TRẦN VĂN NHANH	PHƯỚC HÒA	0,1	0,7	0,80	0,21				0,00							
252	HUỲNH THỊ MINH TÂM	PHƯỚC HÒA	1,6		1,60					0,00							
253	TRẦN NGỌC QUYỀN	PHƯỚC HÒA	0,1		0,10	0,18				0,00							
254	NGUYỄN GIÁP SƠN	PHƯỚC HÒA	0,7		0,70					0,00							
255	ĐÀO MỘNG XUYỀN	PHƯỚC HÒA	0,2		0,20					0,00							
256	BÙI HUỆ	PHƯỚC HÒA	0,13		0,13	0,20				0,00	0,4				40		
257	NGUYỄN NGỌC DANH	PHƯỚC HÒA	2		2,00	0,30				0,00							
258	NGUYỄN THUẬN (Đội 7)	PHƯỚC HÒA	0,5	0,6	1,10												
259	CAO THANH LƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,009						
260	HUỲNH BA	PHƯỚC HÒA			0,00			3		3,00							
261	NGUYỄN NGỌC LAM	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,05						
262	MAI THỊ KIM CHẤN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,12		0,12							
263	BẠCH CÔ THIÊN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,05	1	1,05							
264	HÀ TẤN SỸ	PHƯỚC HÒA	0,35		0,35	0,15				0,00							
265	NGUYỄN HỮU LỘC	PHƯỚC HÒA	1,1		1,10					0,00							
266	HUỲNH HẢI	PHƯỚC HÒA		0,38	0,38					0,00							

267	TRẦN TRUNG KIÊN	PHƯỚC HÒA	0,15		0,15	0,25				0,00							
268	TRẦN VĂN HẢO	PHƯỚC HÒA		0,5	0,50			1,1		1,10							
269	HUỖNH THU	PHƯỚC HÒA			0,00			0,85		0,85	0,004				2		
270	PHAN NGỌC DUY	PHƯỚC HÒA	0,6	1,2	1,80	0,10				0,00							
271	HUỖNH CÔNG TÔNG	PHƯỚC HÒA	0,28	0,08	0,36	0,19				0,00							
272	VÕ PHI LONG	PHƯỚC HÒA		0,4	0,40					0,00							
273	NGUYỄN XUÂN PHONG	PHƯỚC HÒA	0,32	0,2	0,52	0,25				0,00							
274	NGUYỄN NGỌC THANH	PHƯỚC HÒA	3,2		3,20	0,32				0,00							
275	LÊ VIỆT THẢO	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,25				0,00							
276	NGUYỄN VĂN KHOA	PHƯỚC HÒA	0,4	0,13	0,53	0,10				0,00							
277	NGUYỄN VĂN VŨ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,40		0,45	2	2,45							
278	ĐÀM VĂN MÃN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,12		0,12							
279	HUỖNH SEN	PHƯỚC HÒA			0,00			0,3	0,1	0,40							
280	TẠ VĂN PHI	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,13						
281	TẠ TRUNG ĐỨC MỸ	PHƯỚC HÒA	0,7		0,70					0,00							
282	TRẦN THỊ NỞ	PHƯỚC HÒA		1,1	1,10					0,00							
283	NGUYỄN VĂN SÁU	PHƯỚC HÒA	0,3	0,3	0,60	0,16				0,00							
284	LƯƠNG THÀNH TÂM	PHƯỚC HÒA	0,4	0,5	0,90					0,00							
285	HUỖNH THỊ THÀNH	PHƯỚC HÒA	0,2	0,1	0,30	0,30				0,00							
286	NGUYỄN HỮU LÝ	PHƯỚC HÒA	0,15	2	2,15	0,15				0,00							
287	PHAN SƠN HÙNG	PHƯỚC HÒA	1,1		1,10	0,12				0,00							
288	LƯƠNG TRỌNG NHÂN	PHƯỚC HÒA		0,6	0,60	0,20				0,00							
289	LƯƠNG THẾ DŨNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00	0,007						
290	ĐOÀN TRỌNG LAI	PHƯỚC HÒA		0,4	0,40					0,00							
291	HUỖNH QUÝ	PHƯỚC HÒA	0,3	1	1,30					0,00							
292	NGUYỄN T. THANH NHÀN	PHƯỚC HÒA	1,4		1,40				0,4	0,40							
293	NGUYỄN THANH CẦN	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40					0,00							
294	NGUYỄN THỊ THƠM	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,21			0,2	0,20							

295	HUỖNH THỊ MỸ KIỀU	PHƯỚC HÒA	0,9		0,90	0,20				0,00							
296	PHÙNG VĂN PHONG	PHƯỚC HÒA			0,00				0,2	0,20							
297	NGÔ VĂN TỤY	PHƯỚC HÒA			0,00			0,6		0,60							
298	NGUYỄN THỊ BẢY	PHƯỚC HÒA	0,2		0,20	0,15			2	2,00							
299	NGUYỄN HOÀNG VINH	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,43			0,4	0,40							
300	BÙI ĐỨC DANH	PHƯỚC HÒA		1	1,00					0,00							
301	BẠCH THÁI SƠN	PHƯỚC HÒA		0,5	0,50					0,00							
302	NGUYỄN THÀNH LÝ	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20					0,00							
303	NGUYỄN NGỌC NANG	PHƯỚC HÒA	4,5	1	5,50	0,29				0,00							
304	NGUYỄN TẤN HOÀNG	PHƯỚC HÒA	0,22	1	1,22					0,00							
305	TRỊNH THỊ MAI SƯƠNG	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40	0,08				0,00							
306	ĐOÀN VĂN LÝ	PHƯỚC HÒA		0,38	0,38	0,40				0,00							
307	ĐOÀN TRỌNG LỢI	PHƯỚC HÒA	0,2		0,20	0,14				0,00							
308	ĐOÀN TRỌNG LINH	PHƯỚC HÒA		0,1	0,10	0,09				0,00							
309	TRỊNH TẤN LỰC	PHƯỚC HÒA	1,9	0,2	2,10	0,20				0,00							
310	PHÙNG VĂN HÀO	PHƯỚC HÒA	0,3	0,5	0,80	0,10				0,00							
311	NGUYỄN MINH HÒA (Đội 8)	PHƯỚC HÒA	0,1		0,10					0,00							
312	BẠCH HỒNG TRƯỜNG	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40	0,11				0,00							
313	BẠCH HỒNG QUÂN	PHƯỚC HÒA	0,1		0,10					0,00	0,022						
314	HUỖNH NGỌC THẢO	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					10		
315	NGUYỄN XUÂN ĐIỆP	PHƯỚC HÒA	1,3	0,14	1,44	0,21				0,00							
316	HUỖNH HỮU ĐỘ	PHƯỚC HÒA	0,9		0,90	0,28				0,00							
317	BẠCH LONG AN	PHƯỚC HÒA		1,5	1,50					0,00							
318	TRẦN VĂN THỪA	PHƯỚC HÒA	1,5		1,50	0,40				0,00							
319	TRƯƠNG ĐÌNH CHỈ	PHƯỚC HÒA	0,8	0,3	1,10					0,00							
320	NGUYỄN THANH CƯỜNG	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,19				0,00					3		
321	HUỖNH TẤN PHÁT	PHƯỚC HÒA	4,7		4,70	0,15				0,00							
322	TẠ THANH TUẤN	PHƯỚC HÒA	0,9		0,90	0,05				0,00							

323	TẠ VĂN LỘC	PHƯỚC HÒA	1,2	0,2	1,40	0,25				0,00							
324	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	PHƯỚC HÒA	0,7		0,70					0,00							
325	TRƯƠNG THỊ ĐỨC	PHƯỚC HÒA	0,25		0,25	0,20	0,1			0,10							
326	NGUYỄN TRỌNG CHẤT	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00	0,07						
327	VÕ THỊ SÁU	PHƯỚC HÒA		0,7	0,70												
328	VÕ THỊ LIỄU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,10	0,1			0,10	0,02						
329	HUỲNH KỶ	PHƯỚC HÒA	0,45	0,5	0,95	0,07				0,00							
330	NGUYỄN THANH LIÊM (Đ 8)			1	1,00												
331	LÊ LẬP	PHƯỚC HÒA	0,62	0,82	1,44	0,15				0,00							
332	HUỲNH THÁI DŨNG	PHƯỚC HÒA	0,13		0,13	0,00				0,00							
333	PHẠM HÙNG	PHƯỚC HÒA	1,7		1,70	0,18				0,00							
334	LÊ NGỌC PHÍCH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					5		
335	LƯƠNG SƠN	PHƯỚC HÒA	0,15		0,15	0,23				0,00							
336	TRƯƠNG TẤN TÀI (Đội 9)			0,15	0,15												
337	VÕ XUÂN THƠM	PHƯỚC HÒA	1		1,00					0,00							
338	NGUYỄN VĂN HIẾN	PHƯỚC HÒA	0,5		0,50	0,00				0,00							
339	LÊ VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA		0,15	0,15	0,25				0,00							
340	LÊ VĂN THANH	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40	0,10				0,00							
341	LƯƠNG THỊ HÀ	PHƯỚC HÒA	0,4		0,40	0,12				0,00							
342	NGUYỄN ĐỆT (Đội 9)	PHƯỚC HÒA	0,12		0,12	0,00				0,00							
343	VÕ THANH TÙNG (Đội 9)		0,4		0,40	0,20									10		
344	TRƯƠNG BẢO TOÀN	PHƯỚC HÒA		3	3,00	0,00				0,00	0,009				3		
345	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	PHƯỚC HÒA	1		1,00	0,10				0,00							
346	VÕ THỊ PHƯỢNG	PHƯỚC HÒA	0,7		0,70	0,19				0,00							
347	VÕ XUÂN TIẾN	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30					0,00							
348	VÕ XUÂN THIỆN	PHƯỚC HÒA	0,5		0,50	0,08				0,00							
349	HUỲNH THÁI HOÀNG	PHƯỚC HÒA	1		1,00	0,20				0,00							
350	VŨ VĂN DÂN	PHƯỚC HÒA	2,2		2,20	0,30				0,00							

351	VŨ NGỌC TÍN	PHƯỚC HÒA	0,2		0,20	0,00				0,00							
352	NGUYỄN NGỌC THANH (Đ9)	PHƯỚC HÒA	2		2,00	0,00				0,00							
353	NGUYỄN TU	PHƯỚC HÒA	0,8		0,80					0,00							
354	NGUYỄN VĂN QUYỀN	PHƯỚC HÒA	1,3		1,30	0,38				0,00							
355	LÊ VĂN SÁU	PHƯỚC HÒA	1		1,00	0,20				0,00							
356	NGUYỄN ĐĂNG QUÝ	PHƯỚC HÒA	1,13		1,13	0,15				0,00							
357	TRẦN THỊ TRANH	PHƯỚC HÒA	1,5		1,50	0,10				0,00							
358	VÕ THỊ AN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00	0,004						
359	ĐẶNG VĂN HIỀN	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,00				0,00							
360	VŨ VĂN LINH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,12				0,00					8		
361	NGUYỄN ÚT	PHƯỚC HÒA	2,3		2,30	0,00				0,00	0,009				3		
362	NGUYỄN THÀNH TÂM	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,05				0,00	0,07						
363	HUỲNH SƠN	PHƯỚC HÒA	2		2,00	0,15				0,00							
364	LÊ VĂN NĂM	PHƯỚC HÒA	1,3		1,30	0,21				0,00							
365	NGUYỄN NGỌC MINH	PHƯỚC HÒA	1,7		1,70	0,10				0,00	0,07				10		
366	LÊ VĂN TIẾN	PHƯỚC HÒA	1		1,00	0,20				0,00							
367	VÕ ĐAN TƯỜNG	PHƯỚC HÒA		3,3	3,30	0,00				0,00							
368	TRƯƠNG THỊ ĐỊNH	PHƯỚC HÒA	0,55		0,55	0,12				0,00							
369	NGUYỄN TU ĐIỀU	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,10				0,00							
370	HUỲNH PHÚC	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,12				0,00							
371	HUỲNH LÊ LONG	PHƯỚC HÒA	0,6		0,60	0,00				0,00							
372	HUỲNH THÀNH AN	PHƯỚC HÒA	0,9		0,90	0,16				0,00							
373	NGUYỄN XUÂN CẢNH	PHƯỚC HÒA	0,5		0,50	0,20				0,00							
374	TRẦN NGỌC THANH	PHƯỚC HÒA	1,2		1,20	0,25				0,00							
375	PHẠM NGỌC HẢI	PHƯỚC HÒA	0,3		0,30	0,15				0,00							
376	LŨNG MINH HÒA	PHƯỚC HÒA		1,4	1,40					0,00							
377	BẠCH HỒNG SANH	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,25				0,00							
378	BẠCH THỊ HỒNG THU	PHƯỚC HÒA	0,37		0,37	0,00				0,00							

379	VÕ SON HÙNG	PHƯỚC HÒA	0,5		0,50	0,00				0,00							
380	PHẠM THỊ DẦU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
381	TRẦN THỊ KIM LY	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					13		
382	TRẦN THỊ KIM KIỀU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					27		
383	NGUYỄN THỊ SANG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				10			
384	LƯƠNG THỊ ÁI LAN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				15			
385	HUỲNH NGỌC TÍN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				5			
386	TRẦN ĐÌNH LONG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					11		
387	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					5		
388	ĐOÀN QUỐC TRẠNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					30		
389	NGUYỄN THANH HÒA	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
390	TRẦN THỊ KIM HỖN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					38		
391	TRẦN VĂN LUẬN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				11	100	0,12	
392	LƯƠNG THỊ MAI	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,00				0,00					30		
393	NGUYỄN HỒNG TÂM	PHƯỚC HÒA		0,04	0,04	0,00				0,00					15		
394	LÊ VĂN SỬ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					30		
395	TRƯƠNG VĂN TÁM	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					30		
396	DƯƠNG MINH PHÚC	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
397	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				1			
398	NGUYỄN VĂN THÀNH (Đội 1)	PHƯỚC HÒA			0,00										22		
399	LƯƠNG VĂN CHÁNH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					5		
400	PHẠM THỊ ÁNH HẰNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					100		
401	TRÌNH THỊ THÙY	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					10		
402	TRẦN THỌ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					15		
403	VÕ THỊ HOA	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					3		
404	TRẦN HỮU CHUNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					3		
405	ĐỖ THỊ QUI	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					5		
406	NGUYỄN THÁI HÒA	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					6		

407	NGUYỄN THÁI SON	PHƯỚC HÒA			0,00									20		
408	NGUYỄN THỊ ĐĂNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					15		
409	NGUYỄN THỊ TIẾN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					5		
410	LÊ THỊ HẰNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					10		
411	ĐỖ THỊ THU HIỀN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					5		
412	HỒ THỊ CHÍNH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					13		
413	PHẠM TẤN LỰC	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					50	0,02	
414	TRỊNH THƯỢNG BÌNH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					30		
415	PHẠM VĂN HƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			1				
416	NGUYỄN THỊ KIM MAI	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			1		40		
417	VÕ HÙNG HIẾU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			2		30		
418	LÊ TẤN PHƯỚC	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					45		
419	NGUYỄN THỊ KIM KÝ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			3				
420	NGÔ ĐÌNH HOÀNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			1		50		
421	MAI THỊ THU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					1113		
422	PHẠM THỊ LAN (Đội 3)	PHƯỚC HÒA			0,00									15		
423	LÊ XUÂN DINH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					50		
424	ĐỖ TRỌNG LANH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			1	2	30		
425	ĐỖ TRỌNG LƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					10		
426	PHAN MINH HUYỀN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					10		
427	NGUYỄN THỊ BÉ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			2		30		
428	NGÔ THIÊN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					20		
429	NGUYỄN QUỐC DUY	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					20		
430	DƯƠNG THỊ CHÍNHH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					30		
431	NGÔ VĂN GIẢNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					25		
432	LÊ TRƯỞNG THỊ NHƯ HẰNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00			1				
433	NGUYỄN HỮU TÔNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					4		
434	NGUYỄN XUÂN TIẾN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00			0,00					5		

435	NGUYỄN MINH NGỌC	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					25		
436	NGUYỄN DU	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00				10	15		
437	TRÌNH MINH HIỀN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					27		
438	TRẦN THỊ HOA	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					30		
439	TRÌNH THỊ XÁCH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					10		
440	NGUYỄN VĂN HÙNG	PHƯỚC HÒA			0,00					0,00					20		
441	TRÌNH VĂN THỤ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					15		
442	NGUYỄN VĂN TÂN (Đội 4)	PHƯỚC HÒA			0,00										10		
443	NGÔ THỊ ĐỆT	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					10		
444	NGÔ THỊ NGỌC	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					18		
445	NGUYỄN THỊ LÀNH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					50		
446	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
447	NGUYỄN THỊ BA	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					4		
448	NGUYỄN THỊ TRINH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,06				0,00					6		
449	TẠ QUỐC PHÒNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
450	NGUYỄN ĐỆT(Đội 6)	PHƯỚC HÒA			0,00										20		
451	VÕ THỊ NHƠN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					6		
452	LÊ THỊ THANH THẢO	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
453	HUỲNH THỊ KIỀU TRINH	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					10		
454	MAI KIM LONG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					40		
455	TỔNG THỊ KIM HUỆ	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					30		
456	THÁI THÀNH CÔNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					26		
457	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00					20		
458	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP	PHƯỚC HÒA			0,00								1				
459	TRẦN CHÂU	PHƯỚC HÒA	0,5	0,2	0,70	0,10				0,00							
460	VŨ LỤC	PHƯỚC HÒA		0,2	0,20	0,00	0,05			0,05							
461	NGUYỄN THỊ MÙI	PHƯỚC HÒA	0,2		0,20	0,35				0,00							
462	ĐÀO VĂN ĐOAN	PHƯỚC HÒA			0,00	0,00				0,00						0,1	

[illegible]

[illegible]

519	Nguyễn Ngọc Hùng	PHƯỚC HÒA			0,00	0,06											
520	Nguyễn Văn Năm (Thìn)	PHƯỚC HÒA			0,00	0,21											
521	Đào Công Đồng	PHƯỚC HÒA			0,00	0,10											
522	Phan Thanh Liêm	PHƯỚC HÒA			0,00	0,15											
523	Nguyễn Thị Duyên	PHƯỚC HÒA			0,00	0,15											
524	Nguyễn Thị Lại	PHƯỚC HÒA			0,00	0,21											
525	Võ Thị Tuyết Mai	PHƯỚC HÒA			0,00	0,14											
526	Trần Thị Thông	PHƯỚC HÒA			0,00	0,12											
	TỔNG CỘNG		155,83	47,95	203,78	24,47	0,55	48,10	17,32	65,97	4,04	0	17	73	6.157	0,28	

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN SUỐI MÂY

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)				Thủy sản (ha)	
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+(7)	9	10	11	12	13	14	15
1	LÊ MO Y PHI	SUỐI MÂY	4,00		4,00					0,00							
2	LÊ VĂN THƠM	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
3	LA MO LỊCH	SUỐI MÂY	3,00		3,00					0,00							
4	SÊU MINH HÊ	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
5	LA LAN HẰNG	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
6	LA LAN PHINH	SUỐI MÂY	3,00		3,00					0,00							
7	LA MO MAI	SUỐI MÂY	2		2,00					0,00							
8	K PÁ THỊ SƯƠNG	SUỐI MÂY	0,8		0,80					0,00							
9	LA MO ANH	SUỐI MÂY	10		10,00					0,00							
10	LA VĂN VŨ	SUỐI MÂY	7		7,00					0,00							
11	LÊ MO THẮNG	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
12	LÊ MO THỊ LỰU	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
13	LA MO ÁI	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							

14	SỎ MIỀN	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
15	SUỀ MANH	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
16	LA LAN BOI	SUỐI MÂY		1	1,00					0,00							
17	LA MO THỊ HẰNG	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
18	LA THANH TUYỀN	SUỐI MÂY	1,40		1,40					0,00							
19	LỄ MO THỊ LỊCH	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
20	LỄ MO ĐIỀU	SUỐI MÂY	3,00		3,00					0,00							
21	LA LAN HỐT	SUỐI MÂY	4,50		4,50					0,00							
22	LA MO PHỤNG	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
23	K PÁ THỊ LÝ	SUỐI MÂY	3,00		3,00					0,00							
24	LA LAN NGỌC	SUỐI MÂY	4,00		4,00					0,00							
25	SEO VÂN ĐỨC	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
26	LA MO VẰNG	SUỐI MÂY	3,50		3,50					0,00							
27	LA LAN DẦU	SUỐI MÂY	1,90		1,90					0,00							
28	LA LAN ỨA	SUỐI MÂY	0,70		0,70					0,00							
29	K PÁ NGỌC SÁNG	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
30	LỄ MO Y CU	SUỐI MÂY	0,90		0,90					0,00							
31	LA LAN Y LỘT	SUỐI MÂY	1,50	0,70	2,20					0,00							
32	LA MO THỊ PHƯỢNG	SUỐI MÂY	0,90		0,90					0,00							
33	SỎ MINH UÊ	SUỐI MÂY	2,90		2,90					0,00							
34	LỄ MO NỎ	SUỐI MÂY	2,70		2,70					0,00							
35	Y TIÊU	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
36	LA LAN LẤN	SUỐI MÂY	1,50		1,50					0,00							
37	SEO Y KEO	SUỐI MÂY	3,00		3,00					0,00							
38	SEO Y TẠCH	SUỐI MÂY	1,80		1,80					0,00							
39	SỎ THỊ CHUNG	SUỐI MÂY	2,00		2,00					0,00							
40	NGUYỄN VĂN VINH	SUỐI MÂY	9,00		9,00					0,00							
41	LA MO Y TOÀN	SUỐI MÂY	2,50		2,50					0,00							
42	LỄ MO Y BÍCH	SUỐI MÂY	2,20		2,20					0,00							
43	LỄ Y DƯ	SUỐI MÂY	1,20		1,20					0,00							
44	LỄ MO Y RA	SUỐI MÂY	1,60		1,60					0,00							
45	LỄ MO NA	SUỐI MÂY	1,00		1,00					0,00							
46	LA O BẢO	SUỐI MÂY	0,70		0,70					0,00							

47	LA MO TIEN	SUOI MAY	2,00		2,00					0,00					30		
48	LA LAN BOI	SUOI MAY			0,00					0,00					20		
49	LA MO Y BA	SUOI MAY			0,00					0,00					25		
50	K PA NGOC XANH	SUOI MAY			0,00					0,00					13		
	TONG CONG		109,20	1,70	110,90	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0	88	0	

**DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN PHƯỚC LỘC**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)				Thủy sản (ha)	
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%											
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)		
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+(7)	9	10	11	12	13	14	15
1	NGUYỄN THANH PHONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				70		
2	NGUYỄN THANH MINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03				50		
3	TRẦN THỊ BA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007				5		
4	NGUYỄN CHÁNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,04						
5	TRẦN NGỌC SÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007						
6	NGUYỄN VĂN THẬN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002				15		
7	VÕ HUỖNH ĐỨC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,04						
8	MAI HỮU TRÍ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				7		
9	NGUYỄN CẦN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03				2		
10	VÕ XUÂN LÝ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,04						
11	PHAN THANH HÒA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009						
12	NGUYỄN BẦY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007				20		
13	TRẦN VĂN TỰ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,06				100		

14	NGÔ HOÀI ANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,13				80		
15	NGUYỄN VĂN LỘC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004				7		
16	CAO XUÂN THANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
17	ĐOÀN VĂN LAI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					18		
18	PHAN THANH VINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007				15		
19	TRẦN THỊ CÚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
20	ĐOÀN VĂN THẢO	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,05				6		
21	HỒ THỊ NHUNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02						
22	LÊ MINH LÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
23	ĐOÀN VĂN MINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				3		
24	LÊ TRUNG CHÍNH	PHƯỚC LỘC	0,50		0,50					0,00	0,01				10		
25	ĐÀO VĂN DŨNG	PHƯỚC LỘC	0,10		0,10					0,00	0,02				2		
26	ĐÀO VĂN ĐÀN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				10		
27	ĐÀO VĂN LÊ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				10		
28	ĐÀO VĂN LÀNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					25		
29	NGUYỄN NGỌC HÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				10		
30	MAI XUÂN SĨ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03						
31	VÕ VĂN PHƯỚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01						
32	NGUYỄN VĂN HUƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				25		
33	MAI THỊ A	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01						
34	TRẦN VĂN TRÚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				40		
35	ĐÀO THỊ TUYẾT	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				2		
36	PHẠM VĂN CHÍNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,07						
37	PHẠM VĂN THÀNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					40		
38	PHÙNG VĂN HẢI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				8		
39	HỒ CHÍ THIÊN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
40	TRƯỜNG THỊ BẢY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004				22		
41	NGUYỄN THỊ THU THỦY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002						
42	LÊ VĂN SỰ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,15				10		
43	HỒ VĂN CHÁNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01				60		
44	NGUYỄN VĂN HÒA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02						
45	MAI THÀNH HUNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004						
46	LÊ VĂN PHỤNG	PHƯỚC LỘC	0,15		0,15					0,00	0,05						

47	HỒ THỊ NGỌC YẾN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01						
48	ĐOÀN NGỌC TUẤN	PHƯỚC LỘC	0,40		0,40					0,00							
49	HUỖNH VĂN TÂM	PHƯỚC LỘC	0,10		0,10					0,00							
50	HUỖNH NGỌC THÀNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					9		
51	TRƯỜNG MINH TÀI	PHƯỚC LỘC		0,20	0,20					0,00					20		
52	HỒ VĂN THỌ	PHƯỚC LỘC		2,00	2,00					0,00							
53	PHÙNG VĂN MINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002				15		
54	PHÙNG VĂN THÀNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
55	LÊ VĂN SƠN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007				10		
56	NGUYỄN VĂN LONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007						
57	NGUYỄN VĂN HÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,06						
58	PHẠM VĂN HÒA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					2		
59	TRẦN BÌNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					12		
60	PHAN THANH HÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					4		
61	NGUYỄN THỊ XUÂN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					3		
62	MẠNH VĂN KHƯƠNG	PHƯỚC LỘC	4,00		4,00					0,00					50		
63	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,06				20		
64	HUỖNH THỊ THU PHƯỢNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					1		
65	MAI XUÂN THU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03						
66	LÊ VĂN THẨM	PHƯỚC LỘC	0,30		0,30					0,00	0,2						
67	HUỖNH SĨ HÙNG	PHƯỚC LỘC	0,20		0,20					0,00							
68	BÙI THỊ THÔNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
69	BÙI THỊ HÀ	PHƯỚC LỘC	0,20		0,20					0,00							
70	PHÙNG VĂN THÔNG	PHƯỚC LỘC	0,15		0,15					0,00							
71	NGUYỄN HUỖNH SƠN	PHƯỚC LỘC	0,20		0,20					0,00					4		
72	NGUYỄN QUỐC DƯỠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					7		
73	HUỖNH NGỌC ÁNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					23		
74	MAI THỊ LỆ HUYỀN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
75	TRẦN THANH HÙNG	PHƯỚC LỘC	0,06		0,06					0,00							
76	VÕ PHÙNG THI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,09				5		
77	VÕ HỒNG THÁI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009				5		
78	VÕ THỊ TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02						
79	HUỖNH THỊ BA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007						

80	NGUYỄN THỊ THU THẢO	PHƯỚC LỘC	0,10		0,10					0,00						
81	PHẠM VĂN TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				4		
82	TRẦN THỊ THANH MINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02			20		
83	TRẦN THANH BÌNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				25		
84	TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01			4		
85	TRẦN THỊ THANH TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				5		
86	NGUYỄN THỊ NHON	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				6		
87	DƯƠNG THỊ BÔN	PHƯỚC LỘC	0,05		0,05					0,00	0,02			12		
88	NGUYỄN HOÀNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03			2		
89	LÊ XUÂN HẢI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007			15		
90	ĐÀO THỊ THÀNH	PHƯỚC LỘC		0,10	0,10					0,00	0,01			35		
91	LÊ THỊ TUYỀN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				19		
92	TRẦN THANH PHONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				85		
93	VÕ VĂN ĐIỂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				5		
94	NGUYỄN MINH DŨ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				170		
95	TRƯƠNG THỊ THU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002					
96	NGUYỄN KHẮC KHÂM	PHƯỚC LỘC		0,1	0,10					0,00	0,02			10		
97	LÊ THUẬN LÔ	PHƯỚC LỘC		0,02	0,02					0,00	0,02			20		
98	CÔNG THỊ NHIỀU	PHƯỚC LỘC	0,10		0,10					0,00				25		
99	TRẦN VĂN BẢY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004					
100	VÕ ĐÌNH PHÚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,04			6		
101	NGUYỄN THỊ SỚN TRANG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009					
102	PHẠM NGỌC TÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				18		
103	VÕ DUY VINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007					
104	NGUYỄN VĂN TÌNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,07					
105	TRÌNH NGỌC SÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02			5		
106	NGÔ GIA THUYẾT	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03			20		
107	PHÙNG VĂN TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03					
108	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				5		
109	TRẦN VŨ ĐẠI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00				15		
110	NGUYỄN THANH XUÂN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002					
111	LÊ QUỐC DŨNG	PHƯỚC LỘC			0,00		0,2			0,20				5		
112	NGUYỄN ĐẶNG RÔN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,1					

113	TRẦN TRỌNG KHANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03						
114	MẠNH VĂN ĐỨC	PHƯỚC LỘC			0,00		0,1			0,10							
115	ĐÀO XUÂN TÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					4		
116	ĐÀO ĐÌNH MAI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004				20		
117	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,04				14		
118	NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				30		
119	NGUYỄN HỮU TÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02						
120	VÕ XUÂN CẢNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009						
121	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03						
122	MAI VĂN AN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,02				7		
123	TRẦN XUÂN LƯU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,01						
124	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					17		
125	LÊ XUÂN THÀNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03				65		
126	VÕ XUÂN THƯƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,007				5		
127	LÊ THANH TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009						
128	VÕ THÀNH AN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009				25		
129	VÕ THỊ XỨ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,002				5		
130	TRƯƠNG NGỌC ĐỨC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,009				20		
131	VÕ MINH VƯƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					14		
132	HỒ THỊ THÂN HOA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,004						
133	MAI DƯƠNG PHÊ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00	0,03				34		
134	NGUYỄN THỊ CHÍNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00							
135	NGUYỄN THỊ HOA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					14		
136	ĐỖ VĂN NHƠN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					6		
137	NGUYỄN VĂN KHANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					48		
138	NGUYỄN ĐỨC LIÊM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					40		
139	HỒ THANH SƠN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					4		
140	ĐOÀN THẢO	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					7		
141	TRƯƠNG VĂN HÙNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					50		
142	NGUYỄN THỊ SEN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
143	NGUYỄN VĂN HOÀ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
144	HUỲNH NGỌC HOÀ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
145	NGUYỄN CÔNG TRINH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					2		

146	PHAN MINH GIÃ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
147	VÕ VĂN KHANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					12		
148	VÕ MINH TUẤT	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					2		
149	HỒ THANH TIẾN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
150	HỒ THANH TÂN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
151	ĐÀO VĂN TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					4		
152	LÊ XUÂN ĐỊNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
153	MẠNH THẾ CHÂU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
154	MẠNH VĂN PHƯỚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
155	NGUYỄN VĂN TƯ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					6		
156	BÙI VĂN HẠ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
157	NGUYỄN THỊ NHUNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
158	THÁI THỊ HOA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					50		
159	NGUYỄN VŨ BẢO ĐĂNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
160	PHẠM THẾ ĐỨC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
161	NGUYỄN VĂN SÁU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					12		
162	ĐÀO ANH TOÀN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00							
163	TRỊNH THỊ THÁI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
164	LÊ THANH PHONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
165	PHÙNG THỊ BẢY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
166	BÙI VŨ ĐỆ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
167	LÊ THANH HOÀI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					27		
168	TRẦN TUYẾT THẨM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					44		
169	TRẦN TRUNG CHÍNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
170	NGUYỄN PHÚ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					7		
171	NGUYỄN KHẮC TRUNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					6		
172	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					7		
173	ĐẶNG THANH TỬ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
174	TRƯỜNG THỊ PHƯỚC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
175	TRẦN TRƯƠNG THÁI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					2		
176	NGUYỄN HOÀI PHONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
177	LÊ THỊ LONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					8		
178	HUỲNH VĂN THANH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					1		

179	ĐOÀN TIẾN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
180	HỒ TẤN QUANG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
181	HỒ TẤN TRỊ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
182	HỒ CHÍ HIỀN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
183	NGUYỄN HUYNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					3		
184	THÁI VĂN BA	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
185	ĐÌNH MINH ĐỨC	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					6		
186	NGUYỄN VĂN TIẾN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
187	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					30		
188	NGUYỄN THỊ HẬU	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
189	LÊ THỊ LỢI	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					50		
190	TRẦN SƠN LONG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					60		
191	PHÙNG VĂN LOAN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
192	ĐẶNG THỊ BẦY	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					30		
193	NGUYỄN THỊ CHÚT	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					25		
194	PHÙNG VĂN LUẬN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					15		
195	CHÂU THỊ MỸ ÁNH	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
196	PHẠM VĂN HOÀ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					10		
197	HUỲNH THỊ MỸ NHÂN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					12		
198	HUỲNH VĂN DŨNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					8		
199	LÝ THỊ KIM YẾN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
200	NGUYỄN VĂN TIÊN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					2		
201	HUỲNH VĂN PHÚ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
202	TRỊNH HOÀI PHÚ	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					20		
203	HỒ VĂN XUÂN	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					3		
204	TRỊNH THỊ DUNG	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
205	NGUYỄN THANH TÂM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					17		
206	HỒ VĂN NAM	PHƯỚC LỘC			0,00					0,00					5		
	TỔNG CỘNG		6,61	2,42	9,03	0,00	0,30	0,00	0,00	0,30	2,25	0	0	0	2.813	0	

**DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN PHƯỚC NHUẬN**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ, xứ đồng	Diện tích cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) (con)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+7	9	10	11	12	13	14	15	
1	PHẠM ĐÌNH TIẾN	Đội 1			0,00					0,00	0,009							
2	PHẠM NGỌC TÂN	Đội 1			0,00					0,00	0,009				20			
3	HUỲNH ĐÌNH TRUNG	Đội 1	1		1,00					0,00								
4	TRỊNH KỶ THANH	Đội 1	0,1		0,10					0,00								
5	HUỲNH VĂN TUẤN	Đội 1	0,1		0,10					0,00					10			
6	HUỲNH VIỆT CƯỜNG	Đội 1			0,00					0,00	0,020				60			
7	HUỲNH VIỆT HÙNG	Đội 1			0,00					0,00					10			
8	HUỲNH VIỆT QUỐC	Đội 1			0,00					0,00	0,010				40			
9	HUỲNH VIỆT DŨNG	Đội 1			0,00					0,00	0,020				50			
10	HUỲNH HỒ HẠO	Đội 1	0,2		0,20					0,00					3			

11	HUỖNH CHỈ ĐẠİ	Đội 1	0,08		0,08					0,00						
12	HUỖNH LIỄN SƠN	Đội 1	0,08		0,08					0,00						
13	TẠ VĂN TÂM	Đội 1			0,00					0,00	0,060				3	
14	TRẦN CHỈ THIỄN	Đội 1			0,00					0,00	0,006				70	
15	NGUYỄN VĂN THỔNG	Đội 1			0,00					0,00	0,110				20	
16	BUI THỊ THẠI	Đội 1			0,00					0,00	0,009				25	
17	TRƯỞNG THỊ DƯ	Đội 1			0,00					0,00	0,012					
18	NGUYỄN VĂN PHỤNG	Đội 1			0,00					0,00					200	
19	ĐÀO VĂN CHỈ	Đội 1			0,00					0,00					2	
20	TRINH KỶ PHƯƠNG	Đội 1			0,00					0,00					40	
21	LỄ VĂN TRUNG	Đội 1			0,00					0,00					15	
22	TRINH KỶ MAI	Đội 1			0,00					0,00					30	
23	DƯƠNG THỊ LIỄN	Đội 1			0,00					0,00					30	
24	TẠ HỒNG VIỆT	Đội 1			0,00					0,00					5	
25	TẠ HÙNG THIỄN	Đội 1			0,00					0,00					8	
26	NGUYỄN THỊ HỒNG	Đội 1			0,00					0,00					32	
27	HUỖNH THỊ PHƯƠNG	Đội 1			0,00					0,00			2			
28	HUỖNH NGỌC LỰA	Đội 1			0,00					0,00					10	
29	HUỖNH NGỌC SỸ	Đội 1			0,00					0,00					10	
30	TRƯỞNG THỊ XUÂN	Đội 1			0,00					0,00					10	
31	HUỖNH QUANG NGỌC	Đội 1			0,00					0,00					10	
32	PHẠM THỂ PHONG	Đội 1			0,00					0,00					30	
33	PHẠM XUÂN PHƯƠNG	Đội 1			0,00					0,00					30	
34	PHẠM THỂ PHIỄN	Đội 1			0,00					0,00					40	
35	TẠ THỊ ÁI LÂM	Đội 1			0,00					0,00					5	
36	NGUYỄN VĂN THẮNG	Đội 1			0,00					0,00					10	
37	LỄ VĂN PHỤNG	Đội 1			0,00					0,00					600	
38	TRƯỞNG VĂN LỄ	Đội 1			0,00					0,00	0,050				50	
39	BẠCH ĐÌNH THẮNG	Đội 1			0,00					0,00					5	
40	TẠ QUỐC TRÂM	Đội 1			0,00					0,00					8	
41	TẠ VĂN NĂM	Đội 1			0,00					0,00					15	
42	HUỖNH THỊ XUÂN	Đội 1			0,00					0,00					5	
43	TRƯỞNG THỊ THUY ĐIỄM	Đội 1			0,00					0,00					11	

44	TẠ QUỐC HÙNG	Đội 1			0,00					0,00					4		
45	PHẠM THỊ KIM CHIẾN	Đội 1			0,00					0,00					6		
46	TẠ XUÂN PHƯƠNG	Đội 1			0,00					0,00					20		
47	NGUYỄN LƯU DANH	Đội 2			0,00					0,00	0,002				20		
48	LÊ PHÚC VINH - 2	Đội 2	0,15		0,15					0,00	0,040				5		
49	NGUYỄN MINH TRÍ	Đội 2	0,62		0,62					0,00					5		
50	VÕ HỒNG SƯƠNG	Đội 2			0,00					0,00	0,030				16		
51	TẠ QUANG TUYẾN	Đội 2	0,5		0,50					0,00					20		
52	TRẦN NGUYỄN THUẬN	Đội 2			0,00					0,00	0,004				10		
53	LƯƠNG VĂN TIỀN	Đội 2			0,00					0,00	0,003				10		
54	LƯƠNG THÀNH CÔNG	Đội 2			0,00					0,00	0,012				20		
55	ĐẶNG VĂN SỰ	Đội 2			0,00					0,00	0,009						
56	VÕ PHỤNG	Đội 2			0,00					0,00	0,008						
57	MAI VĂN THẢO	Đội 2			0,00					0,00					5		
58	PHAN VĂN CƯ	Đội 2			0,00					0,00					6		
59	NGUYỄN TẤN LỢI	Đội 2			0,00					0,00			5		20		
60	TẠ NGỌC DANH	Đội 2			0,00					0,00					15		
61	PHẠM VĂN DẠN	Đội 2			0,00					0,00					10		
62	NGUYỄN VĂN TÀI	Đội 2			0,00					0,00					20		
63	NGUYỄN NHỊ	Đội 2			0,00					0,00					6		
64	MAI XUÂN TIỀN	Đội 2			0,00					0,00					5		
65	NGUYỄN QUỐC LỄ	Đội 2			0,00					0,00					10		
66	LƯƠNG KIM HOÀNG	Đội 2			0,00					0,00					15		
67	LƯƠNG QUANG BÌNH	Đội 2			0,00					0,00					30		
68	TRƯƠNG PHI HÙNG	Đội 2			0,00					0,00					10		
69	LƯƠNG THỊ SANG	Đội 2			0,00					0,00					20		
70	NGUYỄN VĂN TRIỂN	Đội 2			0,00					0,00					30		
71	PHẠM THỊ LỄ	Đội 2			0,00					0,00					20		
72	TẠ QUỐC DÂN	Đội 2			0,00					0,00					10		
73	ĐẶNG VĂN PHONG	Đội 2			0,00					0,00					15		
74	NGUYỄN TRUNG TRỰC	Đội 2			0,00					0,00					5		
75	NGUYỄN NGỌC ANH	Đội 2			0,00					0,00					5		
76	TRÌNH NGỌC SẼ	Đội 2			0,00					0,00					30		

77	ĐOÀN MINH TRÍ	Đội 2			0,00					0,00					20		
78	TRẦN NGUYỄN YÊN	Đội 2			0,00					0,00					20		
79	PHẠM THỊ LIỄU	Đội 2			0,00					0,00					10		
80	MẠNH THỊ PHÚ	Đội 2			0,00					0,00					20		
81	LÊ XUÂN QUANG	Đội 2			0,00					0,00					10		
82	NGUYỄN THỊ LAN	Đội 2			0,00					0,00					10		
83	BUI KHẮC DUY	Đội 2			0,00					0,00	0,010						
84	ĐÀO VĂN DŨNG	Đội 3	1,3		1,30					0,00							
85	LÊ VĂN MUỖI	Đội 3			0,00					0,00					5		
86	ĐOÀN VĂN CƯ	Đội 3	0,3		0,30					0,00							
87	MẠNH XUÂN	Đội 3			0,00					0,00	0,007						
88	TRẦN THANH QUANG	Đội 3	2,3		2,30					0,00							
89	TRẦN BỒN	Đội 3			0,00					0,00	0,015				15		
90	NGUYỄN DUY ĐIỀU	Đội 3			0,00					0,00	0,020				10		
91	LÊ VĂN THỤ	Đội 3			0,00					0,00	0,004						
92	LÊ XUÂN CHÍNH	Đội 3			0,00					0,00					5		
93	HUỲNH THỊ BÂY	Đội 3			0,00					0,00					40		
94	NGUYỄN TÂN LẠC	Đội 3			0,00					0,00					20		
95	ĐẶNG NGỌC PHƯỚC	Đội 3			0,00					0,00			7		15		
96	BUI VĂN BÌNH	Đội 3			0,00					0,00					15		
97	LÊ THỊ THANH THỦY	Đội 3			0,00					0,00					10		
98	NGUYỄN PHAN DÂN	Đội 3			0,00					0,00					20		
99	NGUYỄN LONG	Đội 3			0,00					0,00					10		
100	LÊ ĐÌNH NGỰ	Đội 3			0,00					0,00					20		
101	ĐẶNG XUÂN THÌN	Đội 3			0,00					0,00					20		
102	VÕ THỊ LAN	Đội 3			0,00					0,00					5		
103	BUI XUÂN THẮNG	Đội 3			0,00					0,00					20		
104	LÊ TÂN LẬP	Đội 3			0,00					0,00					15		
105	BUI XUÂN THẾ	Đội 3			0,00					0,00					5		
106	NGUYỄN TÂM	Đội 3			0,00					0,00					12		
107	BUI THỊ KIM THIẾT	Đội 3			0,00					0,00					15		
108	ĐÀO VĂN MÙI	Đội 3			0,00					0,00					10		
109	TRẦN NGỌC SA	Đội 3			0,00					0,00	0,008				2		

110	TRẦN BÌNH TRỌNG	Đội 3			0,00					0,00					3		
111	NGUYỄN VĂN THÌN	Đội 4			0,00					0,00					10		
112	NGUYỄN VĂN TỊNH	Đội 4			0,00					0,00					20		
113	LƯƠNG THỊ THU HẰNG	Đội 4			0,00					0,00	0,030				50		
114	NGUYỄN THỊ THỬA	Đội 4			0,00					0,00					20		
115	TRẦN TRỌNG HƯỜNG	Đội 4	0,2		0,20					0,00							
116	HỒ VĂN TRÚC	Đội 4			0,00					0,00	0,007				35		
117	NGUYỄN VĂN MAI	Đội 4			0,00					0,00	0,032				5		
118	TẠ QUỐC SƠN	Đội 4			0,00					0,00	0,030				10		
119	HỒ VĂN TIẾN	Đội 4			0,00					0,00					20		
120	LÊ THỊ NGỌC HỒNG	Đội 4			0,00					0,00					10		
121	TRẦN VĂN HƯƠNG	Đội 4			0,00					0,00				1	20		
122	NGUYỄN THỊ DẦN	Đội 4			0,00					0,00					20		
123	LÊ XUÂN LỆ	Đội 4			0,00					0,00					200		
124	TRINH THỊ SINH	Đội 4			0,00					0,00					15		
125	LÊ THỊ THU HẰNG	Đội 4			0,00					0,00	0,030				50		
126	NGUYỄN THỊ THANH TUYẾT	Đội 4			0,00					0,00					10		
127	LÊ XUÂN TRUÔNG	Đội 4			0,00					0,00					10		
128	LÊ PHÚC VINH	Đội 4			0,00					0,00					10		
129	TRẦN THỊ A	Đội 4			0,00					0,00					20		
130	TRẦN VĂN SÁU	Đội 5	0,17		0,17					0,00					20		
131	NGUYỄN KIM PHƯƠNG	Đội 5			0,00					0,00					30		
132	NGUYỄN VĂN PHÚC	Đội 5	0,1		0,10					0,00	0,024				10		
133	TRƯƠNG HOÀNG ANH	Đội 5	0,1		0,10					0,00					10		
134	HUỲNH ĐỨC TÀI	Đội 5	1		1,00					0,00							
135	TRẦN QUỐC THẮNG	Đội 5	0,25		0,25					0,00					15		
136	TRẦN CÔNG BÌNH	Đội 5	2		2,00					0,00							
137	TRINH VĂN HẬU	Đội 5		0,4	0,40					0,00	0,014				10		
138	TRẦN THỊ PHƯỚC	Đội 5			0,00					0,00	0,010						
139	NGUYỄN NGỌC SANG	Đội 5		0,07	0,07					0,00	0,009						
140	NGUYỄN THỊ LỊNH	Đội 5			0,00					0,00					10		
141	NGUYỄN THỊ ĐỀ	Đội 5			0,00					0,00					10		
142	TRẦN VĂN HÒA	Đội 5			0,00					0,00					10		

143	PHẠM NGỌC THÀNH	Đội 5			0,00					0,00					5		
144	TRÌNH VĂN THU	Đội 5			0,00					0,00					40		
145	VÕ ĐỨC TUẤN	Đội 5			0,00					0,00					7		
146	TÔ NGỌC HOÀNG	Đội 5			0,00					0,00					20		
147	NGUYỄN XUÂN THANH	Đội 5			0,00					0,00					20		
148	HUỲNH XUÂN LÃNH	Đội 5			0,00					0,00	0,050				20		
149	NGUYỄN DƯ	Đội 5			0,00					0,00					20		
150	HỒ MINH VƯƠNG	Đội 5			0,00					0,00					30		
151	TRẦN VĂN LỰC	Đội 5			0,00					0,00	0,004						
152	VÕ VĂN THỊN	Đội 6			0,00					0,00	0,020				29		
153	TRÌNH VĂN HIỆP	Đội 6			0,00					0,00	0,070				40		
154	HUỲNH CÔNG THỊNH	Đội 6			0,00					0,00	0,110				20		
155	PHẠM RÔM	Đội 6			0,00					0,00	0,002				40		
156	ĐỖ THỊ TÂM	Đội 6			0,00					0,00					50		
157	TRÌNH XUÂN LỘC	Đội 6			0,00					0,00	0,020				40		
158	PHẠM THỊ NHIỀU	Đội 6	0,2		0,20					0,00	0,040				15		
159	NGUYỄN THANH PHONG	Đội 6			0,00		0,000			0,00	0,030				50		
160	LÊ ĐỨC TÂM	Đội 6	0,150		0,15					0,00							
161	ĐÀO TÙNG	Đội 6			0,00					0,00	0,007				30		
162	NGUYỄN VĂN HIẾU	Đội 6			0,00			0,050		0,05			1				
163	TRẦN TÍN DŨNG	Đội 6	0,25		0,25					0,00					10		
164	PHẠM BẦY	Đội 6			0,00					0,00					100		
165	VÕ NHỊ	Đội 6			0,00					0,00					10		
166	NGUYỄN VĂN TRIỆU	Đội 6			0,00					0,00			2				
167	TRÌNH NGỌC CƯƠNG	Đội 6			0,00					0,00					50		
168	NGUYỄN THỊ NHỊ	Đội 6			0,00					0,00					10		
169	HỒ VĂN LỘC	Đội 6			0,00					0,00			1		10		
170	TRÌNH VĂN THUẬN	Đội 6			0,00					0,00					10		
171	TẠ VĂN HÒA	Đội 6			0,00					0,00					20		
172	NGUYỄN NGỌC MAI	Đội 6			0,00					0,00					100		
173	NGUYỄN LỰC	Đội 6			0,00					0,00					42		
174	TẠ VĂN PHỤNG	Đội 6			0,00					0,00					15		
175	TRÌNH KHẮC TRUNG	Đội 6			0,00					0,00			1	2	10		

176	HUỖNH CÔNG KỶ	Đội 6			0,00					0,00					4		
177	ĐÀO VĂN SANG	Đội 6			0,00					0,00					25		
178	TẠ CÔNG BÌNH	Đội 6			0,00					0,00					20		
179	LÊ THỊ KIM PHƯỢNG	Đội 6			0,00					0,00					15		
180	TRÌNH THỊ QUỲ	Đội 7			0,00					0,00					10		
181	NGUYỄN TÂN CHÂU	Đội 7	1,5		1,50					0,00							
182	HỒ VĂN HÙNG	Đội 7			0,00					0,00	0,002				2		
183	PHAN VĂN TRỢ	Đội 7			0,00				0,11	0,11							
184	NGUYỄN VĂN QUYẾT	Đội 7	0,2		0,20					0,00							
185	NGUYỄN VĂN HIỀN	Đội 7	0,6		0,60					0,00							
186	NGUYỄN THỊ NHỌC	Đội 7			0,00					0,00	0,002						
187	LÊ THỊ KIM PHỤNG	Đội 7			0,00					0,00	0,020						
188	ĐỖ VĂN HỒ	Đội 7			0,00				0,2	0,20							
189	HUỖNH VĂN NHÂN	Đội 7	0,2		0,20					0,00							
190	TÔ THANH QUANG	Đội 7	2,5		2,50					0,00							
191	NGUYỄN SA	Đội 7	1,5		1,50					0,00	0,002						
192	ĐỖ VĂN HIỆP	Đội 7	1,2		1,20					0,00							
193	NGUYỄN LONG HÀ	Đội 7		0,2	0,20					0,00	0,010						
194	HUỖNH NGỌC TÍN	Đội 7			0,00					0,00					5		
195	TÔ NGỌC TRINH	Đội 7			0,00					0,00					12		
196	NGUYỄN NGỌC NHA	Đội 7			0,00					0,00					5		
197	NGUYỄN VĂN SỰ	Đội 7			0,00					0,00					10		
198	HUỖNH LŨNG	Đội 8			0,00					0,00	0,030						
199	ĐỖ HOÀNG BẢO	Đội 8			0,00					0,00	0,090				20		
200	ĐỖ THANH LONG	Đội 8	0,03		0,03					0,00					100		
201	TRÌNH VĂN CHI	Đội 8	0,01	0	0,01					0,00	0,060				20		
202	NGUYỄN NGỌC TRINH	Đội 8			0,00					0,00	0,009						
203	LÊ HỮU PHÚC	Đội 8			0,00					0,00	0,030						
204	ĐẶNG HẠNH	Đội 8	0,5		0,50					0,00					2		
205	TÔ VĂN QUANG	Đội 8	0,15		0,15					0,00							
206	ĐÀO TRUNG KHƯƠNG	Đội 8		2	2,00					0,00							
207	LÊ THỊ SỎ	Đội 8			0,00					0,00	0,020						
208	TRÌNH VĂN QUỐC	Đội 8	0,6		0,60					0,00	0,050						

209	TRINH MINH	Đội 8	0,4		0,40					0,00							
210	TÔ THỊ LONG	Đội 8			0,00					0,00	0,002						
211	NGUYỄN VĂN HUYNH	Đội 8	1		1,00					0,00					10		
212	HUỖNH VĂN LÂM	Đội 8			0,00					0,00					10		
213	VÕ ĐỒNG BÌNH	Đội 8		0,4	0,40					0,00							
214	ĐẶNG HÂN	Đội 8			0,00					0,00					30		
215	ĐẶNG THANH	Đội 8			0,00					0,00					30		
216	TRÌNH VĂN ĐỨC	Đội 8			0,00					0,00					20		
217	TRÌNH DỪNG SỸ	Đội 8			0,00					0,00					10		
218	TRÌNH THỊ LỊCH	Đội 8			0,00					0,00					40		
219	TRÌNH THANH TỊNH	Đội 8			0,00					0,00					15		
220	TRÌNH THỊ CHIẾN	Đội 8			0,00					0,00					1		
221	PHAN QUỐC THÀNH	Đội 8			0,00					0,00					20		
222	TRẦN THỊ TÂM	Đội 8			0,00					0,00					4		
223	ĐỖ VĂN THÀNH	Đội 8			0,00					0,00					50		
224	HUỖNH VĂN TÂM	Đội 8			0,00					0,00					20		
225	PHẠM THỊ SUM	Đội 8			0,00					0,00					40		
226	PHẠM ĐỨC MINH	Đội 8			0,00					0,00	0,015				80		
227	NGUYỄN HUỖNH QUYẾT	Đội 8			0,00					0,00					10		
228	NGUYỄN THỊ KHANH	Đội 8			0,00					0,00					30		
229	NGUYỄN HỒNG XUÂN LINH	Đội 8			0,00					0,00					10		
230	TRẦN VĂN DỪNG	Đội 8			0,00					0,00					20		
231	NGUYỄN VĂN TUÂN	Đội 8			0,00					0,00					20		
232	NGUYỄN THỊ EM	Đội 8			0,00					0,00					10		
233	PHẠM PHI HÙNG	Đội 8			0,00					0,00					20		
234	NGUYỄN THANH LONG	Đội 8			0,00					0,00					10		
235	TRẦN ĐỨC	Đội 8			0,00					0,00					10		
	TỔNG CỘNG		21,54	3,07	24,61	0,00	0,00	0,00	0,36	0,36	1,37	0,0	2,0	20,0	4.620	0,0	0,0

**DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
THÔN THẠNH ĐỨC**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)														Thủy sản (ha)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)						
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%												
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+7	9	10	11	12	13	14	15	
1	TRẦN VĂN THÔNG	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00								
2	PHAN THANH ĐÀO	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00								
3	NGUYỄN VĂN KIÊM	THẠNH ĐỨC	0,86		0,86					0,00								
4	TRƯƠNG NGỌC TIỀN	THẠNH ĐỨC	0,10		0,10					0,00								
5	NGUYỄN NGỌC TÚ	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00								
6	PHẠM VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC	0,12		0,12					0,00								
7	TRẦN BÌNH HÒAI	THẠNH ĐỨC	0,3		0,30					0,00								
8	LÊ ĐÌNH LỆNH	THẠNH ĐỨC	1,7		1,70					0,00								
9	PHAN CAY	THẠNH ĐỨC	0,17		0,17					0,00								
10	TRẦN VĂN THÁI	THẠNH ĐỨC	2,5		2,50					0,00								
11	HUỲNH KIM MINH	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00								
12	NGUYỄN VĂN BÂY	THẠNH ĐỨC	0,25		0,25					0,00								

13	TRẦN VĂN SƠN	THẠNH ĐỨC	0,60		0,60					0,00					20		
14	VÕ VĂN TĂNG	THẠNH ĐỨC	1,50		1,50					0,00							
15	VÕ VĂN SÁU	THẠNH ĐỨC	0,20		0,20					0,00							
16	TRẦN VĂN THANH	THẠNH ĐỨC	0,24		0,24					0,00							
17	TRẦN VĂN LINH	THẠNH ĐỨC	0,06		0,06					0,00							
18	TRẦN VĂN TỎ	THẠNH ĐỨC	0,70		0,70					0,00							
19	HỒ VĂN MINH	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00							
20	LÊ THANH HÒA	THẠNH ĐỨC	0,10		0,10					0,00							
21	NGUYỄN THẾ ANH	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00							
22	VÕ THỊ MINH CHÍ	THẠNH ĐỨC	0,80		0,80					0,00							
23	TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG	THẠNH ĐỨC			0,00			0,13		0,13							
24	VÕ VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00							
25	PHẠM ĐÀM LỘC	THẠNH ĐỨC	0,15		0,15					0,00							
26	HUỲNH VĂN DÙM	THẠNH ĐỨC	0,20		0,20					0,00							
27	VÕ VĂN SƠN	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00							
28	PHẠM THỊ CHÍN	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00							
29	ĐÀM QUỐC CƯỜNG	THẠNH ĐỨC	0,10		0,10					0,00							
30	ĐỖ KHẮC VIỆT	THẠNH ĐỨC	1,30		1,30					0,00							
31	VÕ VĂN CAM	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00							
32	ĐỖ VĂN HÙNG	THẠNH ĐỨC	0,50		0,50					0,00							
33	NGUYỄN VÕ MINH ĐỨC	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00							
34	NGUYỄN VĂN TRỰC	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00							
35	NGUYỄN NGỌC VINH	THẠNH ĐỨC	0,90		0,90					0,00							
36	VÕ VĂN CHÍN	THẠNH ĐỨC	0,33		0,33					0,00							
37	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00							
38	PHẠM THANH VƯỢT	THẠNH ĐỨC	0,50		0,50					0,00							
39	LÊ XUÂN PHƯƠNG	THẠNH ĐỨC	1,40		1,40					0,00					60		
40	HỒ PHÚ ĐỨC	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00							
41	PHẠM NGỌC TIỀN	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00							
42	HỒ HOÀNG ANH	THẠNH ĐỨC	0,50		0,50					0,00							
43	NGUYỄN VĂN TOÀN	THẠNH ĐỨC	0,60		0,60					0,00							
44	TRẦN NGỌC SÁNG	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00							
45	TRẦN HỮU THÀNH	THẠNH ĐỨC	0,15		0,15					0,00							

46	LÊ THANH	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00						
47	TRƯỜNG THỊ HUỆ	THẠNH ĐỨC	0,20		0,20					0,00						
48	NGUYỄN VĂN CHÍNH	THẠNH ĐỨC	0,10		0,10					0,00						
49	NGUYỄN CAO KỶ	THẠNH ĐỨC	0,50		0,50					0,00						
50	TRẦN PHƯỢNG	THẠNH ĐỨC	0,09	0,30	0,39					0,00						
51	PHAN THỊ NỮ	THẠNH ĐỨC	1,30		1,30					0,00						
52	ĐỖ VĂN MẠNH	THẠNH ĐỨC	0,80		0,80					0,00				10		
53	BÙI VĂN LỢI	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00						
54	NGUYỄN VĂN GUƠNG	THẠNH ĐỨC	1,30		1,30					0,00						
55	NGUYỄN THANH TOÀN	THẠNH ĐỨC	0,90		0,90					0,00						
56	TRẦN VĂN VINH	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00						
57	DƯƠNG TRỌNG DŨNG	THẠNH ĐỨC	1,20		1,20					0,00				2		
58	PHAN TRỌNG QUYÊN	THẠNH ĐỨC	0,70		0,70					0,00						
59	LÊ THỊ NĂM	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00						
60	HUỲNH VĂN MAI	THẠNH ĐỨC	1,40		1,40					0,00						
61	PHẠM VĂN NGỌC	THẠNH ĐỨC			0,00		0,5			0,50				30		
62	NGUYỄN VĂN HẠO	THẠNH ĐỨC	2,60		2,60					0,00				20		
63	NGUYỄN NGỌC NHẠC	THẠNH ĐỨC	1,50	0,50	2,00					0,00	0,1			20		
64	PHẠM THU	THẠNH ĐỨC	0,80		0,80					0,00				10		
65	ĐOÀN PHƯỚC TÂM	THẠNH ĐỨC	1,70		1,70					0,00				5		
66	PHẠM NGỌC THANH	THẠNH ĐỨC	2,00	1,00	3,00					0,00				5		
67	NGUYỄN VĂN NGHĨA	THẠNH ĐỨC	0,70	0,10	0,80					0,00				5		
68	NGUYỄN VĂN TÌNH	THẠNH ĐỨC	0,65	1,00	1,65					0,00				10		
69	PHẠM VĂN TRUNG	THẠNH ĐỨC	0,50		0,50					0,00				5		
70	VÕ VĂN THÀNH	THẠNH ĐỨC	0,60		0,60					0,00						
71	VÕ VĂN NGHĨA	THẠNH ĐỨC	0,90		0,90					0,00						
72	VÕ VĂN SINH	THẠNH ĐỨC	2,00		2,00					0,00						
73	PHAN VĂN HÙNG	THẠNH ĐỨC	1,90		1,90					0,00				15		
74	TRẦN XUÂN THOẠI	THẠNH ĐỨC	3,00		3,00					0,00						
75	VÕ VĂN CHÁNH	THẠNH ĐỨC	0,30		0,30					0,00						
76	NGUYỄN VĂN BÌNH	THẠNH ĐỨC	1,00		1,00					0,00						
77	BÙI MINH ĐỨC	THẠNH ĐỨC	1,50		1,50					0,00				50		
78	ĐOÀN NGỌC THÁI	THẠNH ĐỨC	2,50		2,50					0,00	0,1			10		

79	PHAN THỊ NGỌC	THẠNH ĐỨC	1,40		1,40					0,00							
80	NGUYỄN THỊ LỰC	THẠNH ĐỨC	0,70		0,70					0,00							
81	NGUYỄN THỊ VƯƠNG	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00							
82	NGUYỄN VĂN THANH	THẠNH ĐỨC	1,30		1,30					0,00							
83	PHẠM VĂN THƠM	THẠNH ĐỨC	0,70	0,50	1,20					0,00							
84	TRƯƠNG VĂN HÒA	THẠNH ĐỨC	2,50		2,50					0,00							
85	NGUYỄN VÕ LÂM	THẠNH ĐỨC	0,40		0,40					0,00					5		
86	PHAN VĂN CUỒNG	THẠNH ĐỨC	0,50	0,50	1,00					0,00							
87	ĐẶNG VĂN BÌNH	THẠNH ĐỨC	0,20	0,20	0,40					0,00							
88	HUỲNH CỤC TỬU	THẠNH ĐỨC	0,20		0,20					0,00							
89	VÕ CHÍ ĐỨC	THẠNH ĐỨC	1,00	3,50	4,50					0,00							
90	PHAN VĂN NGỌ	THẠNH ĐỨC		1,00	1,00			0,25		0,25							
91	PHAN VĂN BÂY	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,01				35		
92	VÕ CHÍ CÔNG	THẠNH ĐỨC		2,00	2,00					0,00							
93	HUỲNH LONG BIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,04						
94	TRƯƠNG NGỌC THU	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					116		
95	PHAN VĂN HIỆP	THẠNH ĐỨC		1	1,00					0,00							
96	PHẠM BÁ KẾ	THẠNH ĐỨC		0,2	0,20			0,40		0,40							
97	PHAN QUỐC DÂN	THẠNH ĐỨC		0,5	0,50			0,10		0,10					15		
98	PHAN THANH TÙNG	THẠNH ĐỨC	0,50	0,5	1,00					0,00							
99	PHAN ĐĂNG	THẠNH ĐỨC			0,00				0,2	0,20							
100	VÕ THỊ THỦY	THẠNH ĐỨC			0,00			0,20	0,1	0,30							
101	PHAN VĂN THẢO	THẠNH ĐỨC	0,20	0,1	0,30					0,00				40	50		
102	HUỲNH VĂN CHÍNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,01				85		
103	BÙI VĂN HAI	THẠNH ĐỨC			0,00			0,15	0,2	0,35							
104	TRẦN VĂN BÂY	THẠNH ĐỨC	1,6	1	2,60					0,00							
105	VÕ MINH THIÊN	THẠNH ĐỨC		0,2	0,20					0,00							
106	VÕ TÂN KHANH	THẠNH ĐỨC			0,00				0,1	0,10					25		
107	NGUYỄN VĂN HIỀN	THẠNH ĐỨC			0,00			0,3		0,30					6		
108	ĐỖ VĂN HÒA	THẠNH ĐỨC			0,00				0,1	0,10							
109	PHAN VĂN TOÀN	THẠNH ĐỨC			0,00				0,8	0,80					3		
110	NGUYỄN THỊ HÀ	THẠNH ĐỨC			0,00				0,15	0,15							
111	PHAN VĂN DỪNG	THẠNH ĐỨC			0,00			1,2		1,20							

112	LÊ VĂN HIỂN	THẠNH ĐỨC			0,00				0,35	0,35	0,01				100		
113	LÊ VĂN DŨNG	THẠNH ĐỨC			0,00				1,5	1,50					3		
114	TRẦN LANH	THẠNH ĐỨC			0,00				0,2	0,20							
115	VÕ THỊ MINH QUỲ	THẠNH ĐỨC			0,00			0,2		0,20							
116	NGUYỄN TIẾN SĨ	THẠNH ĐỨC			0,00			0,85	1	1,85					15		
117	LÊ VĂN THIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00				0,2	0,20					12		
118	TRƯƠNG KHẮC OANH	THẠNH ĐỨC			0,00			0,5	2,5	3,00							
119	NGUYỄN VĂN TÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,2				6		
120	TRẦN NGỌC THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00				8	8,00							
121	NGUYỄN HUỲNH LAN	THẠNH ĐỨC	0,2		0,20					0,00							
122	HỒ XUÂN NGỌC	THẠNH ĐỨC			0,00			1		1,00							
123	PHAN THỊ MỸ HOA	THẠNH ĐỨC			0,00			1,5		1,50							
124	NGUYỄN VĂN A	THẠNH ĐỨC	0,1		0,10					0,00					2		
125	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	THẠNH ĐỨC	0,5		0,50					0,00							
126	HUỲNH VĂN XUÂN	THẠNH ĐỨC	1		1,00					0,00					15		
127	VÕ THANH SANG	THẠNH ĐỨC	0,2		0,20					0,00							
128	TRƯƠNG ĐỨC TÍNH	THẠNH ĐỨC	0,3		0,30					0,00							
129	HỒ ĐẮC QUANG	THẠNH ĐỨC	0,05		0,05					0,00							
130	MẠNH VĂN HÒA	THẠNH ĐỨC	0,4		0,40					0,00							
131	PHAN THỊ HỒNG	THẠNH ĐỨC	0,2		0,20					0,00							
132	NGUYỄN QUỐC TOÀN	THẠNH ĐỨC	0,1		0,10					0,00					14		
133	MẠNH VĂN THANH	THẠNH ĐỨC	0,5		0,50					0,00							
134	HUỲN VĂN TOÀN	THẠNH ĐỨC	0,4		0,40					0,00							
135	LÊ XUÂN LONG	THẠNH ĐỨC			0,00			0,7		0,70							
136	LÊ XUÂN LÂM	THẠNH ĐỨC			0,00			3		3,00					10		
137	NGUYỄN TÁNH	THẠNH ĐỨC			0,00			0,3		0,30							
138	PHAN THỊ TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,01						
139	TRẦN HÙNG CƯỜNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,004						
140	TRẦN CHÍ THIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,007						
141	NGUYỄN THANH THẬT	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,02						
142	MẠNH THỊ GÁI	THẠNH ĐỨC	0,1		0,10					0,00							
143	TRẦN VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC	0,2		0,20					0,00							
144	MẠNH THÁI BÌNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,004						

145	VÕ HÙNG LAI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,04						
146	NGUYỄN VĂN CÂN	THẠNH ĐỨC	0,1		0,10					0,00	0,07				10		
147	PHẠM HỒNG NHA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,07						
148	NGUYỄN VĂN THẢO	THẠNH ĐỨC	0,18		0,18					0,00							
149	NGUYỄN VĂN XUÂN	THẠNH ĐỨC	1		1,00					0,00							
150	TRẦN VĂN TÍN	THẠNH ĐỨC	0,1		0,10					0,00							
151	MẠNH THÊ DỪNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
152	MẠNH BÌNH SÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,009						
153	NGUYỄN QUỐC BẢO	THẠNH ĐỨC	1,80		1,80					0,00							
154	ĐÀM THỊ SÁU	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,009				20		
155	TRẦN VĂN TUY	THẠNH ĐỨC	1,3		1,30					0,00					20		
156	LÊ NGỌC HÒA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,009				40		
157	TRẦN VĂN AN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
158	PHAN THỊ THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					3		
159	BUI VĂN XIN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
160	TRẦN NGỌC DÂN	THẠNH ĐỨC	3		3,00					0,00							
161	NGUYỄN ĐÌNH KHUÂN	THẠNH ĐỨC	1		1,00					0,00							
162	NGUYỄN TIẾN CÔNG	THẠNH ĐỨC	0,5		0,50					0,00					20		
163	NGUYỄN THỊ GAI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					4		
164	MẠNH THÊ SỬ	THẠNH ĐỨC	0,15		0,15					0,00					5		
165	TRẦN VĂN KHANH	THẠNH ĐỨC	0,13		0,13					0,00					25		
166	THAI VĂN NGHĨA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					55		
167	THAI VĂN DỪNG	THẠNH ĐỨC	0,07		0,07					0,00					12		
168	NGUYỄN VĂN THẮNG	THẠNH ĐỨC			0,00		0,1			0,10					7		
169	NGUYỄN VĂN CUỒM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					27		
170	VÕ VĂN TRỊ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
171	VÕ TÂN SANH	THẠNH ĐỨC	0,8		0,80					0,00					5		
172	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẠNH ĐỨC	0,03		0,03					0,00							
173	NGUYỄN QUỲ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
174	NGUYỄN THỊ HÒN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					3		
175	HỒ XUÂN LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
176	ĐOÀN SON NAM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					7		
177	NGUYỄN VĂN HÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					40		

178	ĐOÀN CẢNH MAI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
179	HỒ ĐẮC THIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
180	NGUYỄN VĂN ĐẠO	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					18		
181	TRẦN CAO THỨC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
182	TRƯƠNG VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00				15	200		
183	PHAN QUỐC QUÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					50		
184	TRẦN VĂN NGỌC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00				9			
185	ĐOÀN MINH SANH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
186	NGUYỄN VĂN PHỤNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
187	NGUYỄN THỊ KIM CHÍNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
188	TRƯƠNG TÂN BÌNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					40		
189	TRƯƠNG LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
190	MẠNH KHẮC TRỰC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
191	LƯU VĂN THỰC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
192	TRẦN NGỌC BẢO	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					6		
193	TRẦN VĂN MƯỜI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
194	TRẦN HỒNG PHƯỚC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
195	PHẠM VĂN MỆNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
196	PHAN VĂN PHÚC	THẠNH ĐỨC		1	1,00					0,00					35		
197	NGUYỄN TUỜNG CĂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
198	NGUYỄN THỊ HẠNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
199	HUỲNH VĂN TÁNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					17		
200	HỒ XUÂN VƯƠNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					35		
201	LÊ HỘ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
202	NGUYỄN THỊ HUỆ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
203	LÊ KIM TÍNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					50		
204	NGUYỄN VĂN BẢO	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
205	TRẦN VĂN TIẾN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					17		
206	TRẦN VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
207	TRẦN VĂN LANG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
208	MẠNH VĂN LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
209	TRẦN VĂN NHỊ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
210	TRƯƠNG THỊ HỒNG NHẠN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		

211	TRƯƠNG CÔNG THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
212	NGUYỄN VĂN THỬA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
213	PHAN TÂN HÒA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					25		
214	NGUYỄN NGỌC KHOA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
215	TRẦN THỊ ÚT	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
216	NGUYỄN THỊ CƯỜNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
217	TRẦN THỊ TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					34		
218	BÙI VĂN LIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					9		
219	NGUYỄN SANH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					9		
220	NGUYỄN TƯ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					25		
221	NGUYỄN NGỌC THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
222	NGUYỄN NĂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
223	VÕ SỎ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00	0,2				20		
224	TRẦN THANH TÙNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
225	NGUYỄN THỊ HAI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
226	TRẦN VĂN HIỂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					7		
227	NGUYỄN VĂN AN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
228	HỒ VĂN HẠNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					35		
229	TRẦN DUY QUANG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
230	NGUYỄN ANH DŨNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
231	NGUYỄN PHÚ QUỐC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
232	LÊ VĂN LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
233	MẠNH QUANG HIỆP	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
234	TRẦN VĂN HÒA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					60		
235	PHAN NGỌC CẢNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
236	PHAN NGỌC HÙNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					3		
237	THÁI VĂN THIẾT	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
238	PHAN NGỌC CHÍNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
239	VÕ THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
240	PHAN MINH KHOA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
241	NGUYỄN VĂN LẬP	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					2		
242	NGUYỄN QUANG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					7		
243	TRẦN VĂN HÙNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		

244	NGUYỄN KHẮC TRUNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
245	TRẦN THỊ LÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
246	LÊ LO	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					7		
247	TRẦN ĐÌNH LANG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					15		
248	NGUYỄN THỊ SÁU	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
249	NGUYỄN MÂY	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
250	NGUYỄN THỊ PHÚC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
251	VÕ THỊ BÓN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					8		
252	TRẦN MINH TRUNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
253	BUI VĂN THÀNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					40		
254	NGUYỄN THỊ LAN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
255	NGUYỄN HỒNG SƠN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
256	PHẠM ĐÌNH NHA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
257	CAO VĂN HIẾU	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
258	LÊ VĂN DỰ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
259	PHAN THANH GIẢNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
260	NGUYỄN XUÂN HOA	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
261	VÕ VĂN MƯỜI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
262	NGUYỄN VĂN TÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					3		
263	NGUYỄN VĂN TỰ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
264	MẠNH THỀ SY	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					30		
265	TRẦN THỊ THU	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
266	NGUYỄN CƯ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
267	THÁI NGỌC NGHI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
268	LÊ XUÂN DANH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
269	THÁI NGỌC HẢI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					2		
270	PHAN VĂN HOÀNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
271	VÕ TÂN ĐÔNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					38		
272	NGUYỄN THẮNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					25		
273	PHẠM NGỌC ẮN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
274	NGUYỄN QUỐC HÙNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					18		
275	NGUYỄN VĂN HẢO	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
276	LÊ ĐÔNG TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					40		

277	NGUYỄN THI ĐƯỢC	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
278	HỒ THỊ THANH VÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
279	NGUYỄN VĂN LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
280	MẠNH XUÂN KỲ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					2		
281	NGUYỄN VĂN QUÝ	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					9		
282	NGUYỄN THỊ CHUNG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
283	MẠNH KIM HẢI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					20		
284	NGUYỄN VĂN TÂM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					4		
285	NGUYỄN LANH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
286	NGUYỄN GIAO QUANG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					7		
287	NGUYỄN KHẮC NHÂN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					6		
288	LÊ THỊ LIÊN	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
289	NGUYỄN ĐÌNH LONG	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
290	NGUYỄN ĐÌNH KHI	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
291	NGUYỄN TIỀN TAM	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					10		
292	HUỲNH DUY HẠNH	THẠNH ĐỨC			0,00					0,00					5		
	TỔNG CỘNG		85,78	15,10	100,88	0,00	0,60	10,78	15,40	26,78	0,92	0	0	64	3.165	0	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ DÂN
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÃ**
(Kèm theo Thông báo số : /TB-UBND ngày

STT	CÁC THÔN	Số hộ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản					
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (t					
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại từ 70% đến 100%		
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía
A	B	B	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6
1	PHÚ HỘI	325	319,26	61,59	380,85	21,70	2,50	25,30
2	PHÚ XUÂN A	170	38,88	49,51	88,39	0,00	0,00	6,71
3	PHÚ XUÂN B	390	185,3	27,3	212,7	25,5	4,0	14,24
4	PHƯỚC HÒA	526	155,83	47,95	203,78	24,47	0,55	48,10
5	SUỐI MÂY	50	109,20	1,70	110,90	0,00	0,00	0,00
6	PHƯỚC LỘC	206	6,61	2,42	9,03	0,00	0,30	0,00
7	PHƯỚC NHUẬN	235	21,54	3,07	24,61	0,00	0,00	0,00
8	THÀNH ĐỨC	292	85,78	15,10	100,88	0,00	0,60	10,78
	TOÀN XÃ	2.194	922,42	208,69	1.131,11	71,64	7,90	105,13

ĐIỀU BỊ THIẾT HẠI DO CON BẢO SỐ 13
ĐIỀU RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC
(tháng năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

1 bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1a)			Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)				Thủy sản (ha)		
Mất trên 70%									
Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
7	8=(6)+(7)	9	10	11	12	13	14	15	16
61,59	89,39	2,21	0,0	0,0	135,0	333,0	0,01	4.614.744.000	
1,95	8,67	2,84	0	4	134	1.733	0,46	1.105.484.000	
10,38	28,57	2,136	3	1	44	3.640	0	2.516.264.560	
17,32	65,97	4,04	0	17	73	6.157	0,28	3.257.343.000	
0,00	0,00	0,00	0	0	0	88	0	835.094.000	
0,00	0,30	2,25	0	0	0	2.813	0	224.119.000	
0,36	0,36	1,37	0,0	2,0	20,0	4.620	0,0	424.195.000	
15,40	26,78	0,92	0	0	64	3.165	0	1.364.850.000	
107,00	220,04	15,77	3	24	470	22.549	0,75	14.342.093.560	

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ TÌ
VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GẤ

STT	CÁC THÔN	Số hộ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản					
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (t					
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt h		
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Lúa	Bắp	Mía
1	PHÚ XUÂN A	173	35,72	20,88	56,6	0	0	20,83
2	PHÚ XUÂN B	419	190,87	24,94	215,81	24,58	3,95	28,46
3	PHƯỚC HÒA	595	153,17	48,81	201,98	45,72	0,20	58,55
4	PHÚ HỘI	375	317,26	61,59	378,85	22,70	2,50	25,30
5	SUỐI MÂY	50	109,20	1,70	110,90	0,00	0,00	0,00
6	THẠNH ĐỨC	293	85,78	15,10	100,88	0,00	0,60	10,78
7	PHƯỚC NHUẬN	237	17,26	31,07	48,33	0,00	0,00	6,00
8	PHƯỚC LỘC	213	6,61	2,42	9,03	0,00	0,30	0,00
	TOÀN XÃ	2.355	915,87	206,51	1.122,38	93,00	7,55	149,92

1.065,785
307,435

HIỆT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 13
Y RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC

1 bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1a)			Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)				Thủy sản (ha)		
Mất trên 70%									
Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, ...)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	Cừu	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)			
6,12	26,95	2,223	0	6	197	1961	0,36	1.208.448.000	0
0,00	32,41	2,69	3,00	0,00	12,00	3.508,00	0,00	2.555.580.500	
17,62	76,37	4,06	0,00	26,00	74,00	6.586,00	0,30	3.676.822.000	
61,59	89,39	2,21	0,00	0,00	135,00	343,00	0,01	4.610.087.000	
0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	88,00	0,00	835.094.000	
15,40	26,78	0,72	0,00	0,00	64,00	3165,00	0,00	1.360.850.000	
0,20	6,20	0,878	0,00	1,00	15,00	4849,00	0,00	678.172.000	
0,00	0,30	0,878	0,00	0,00	0,00	2814,00	0,00	224.157.000	
100,93	258,40	13,66	3	33	497	23.314	0,67	15.149.210.500	

6

26